NG

• Nga giáo đồ

Les Khlystys[F] - The Khlystys[A] - 俄教徒 - Ở Nga gọi giáo phái này là những người đánh roi *(flagellants)*, thành phần của một giáo phái xuất hiện vào thế kỷ XVIII tại một làng ở bờ sông Volga và nhanh chóng lan ra khắp nước Nga. Người ta gọi những người dị giáo này là con của Chúa bởi giáo trưởng của họ tự xưng là Christ tái lâm. Những người này là những kẻ bị đánh bằng roi không phải do tinh thần sám hối mà là sự kích thích đến một trạng thái xuất thần, điều này làm cho họ khác với những người tu đánh roi thời Trung Cổ. Thừa kế dòng tư tưởng Bulgari-giáo phái*, họ xem xác thịt như là đáng khinh bỉ do đó có những thái quá. Họ có những tụ họp bí mật gọi là navire *(con tàu)*, theo đó, họ tự kích thích vừa nhảy vừa múa và vừa đánh roi vào nhau cho đến khi kiệt sức. Có người tố giác họ là đã nhại lại những thánh lễ và tạo nên những hội đoàn phạm thượng. Một phần hành quan trọng đã gán cho những người nữ, đặc biệt những người mệnh danh là *"Thánh Mẫu" (mère de Dieu)* chỉ định các con chiên mới và chủ toạ các cuộc lễ. Mặc dù những theo dõi mà họ là đối tượng, giáo phái này núp dưới danh nghĩa là trung thành với Giáo hội Cơ Đốc, họ thường tái xuất hiện với số đông đảo hơn vào thế kỷ XIX. Họ kết nạp một số dân chúng và gây mất trật tự trong xã hội Nga mỗi lúc càng nhiều cho đến ngày cách mạng 1917.

• Ngã

Moi[F] - Self[A] - Danh từ dùng để tự xưng cho một cá nhân có nghĩa là cái Ta. Nhưng khi đi vào nội dung thì khó mà tìm cho ra thực chất của cái Ta là gì. Vả chăng, một khi dùng chữ Ta, có phải hàm ý một nhân thân hiện hữu với đủ đầu mình và tứ chi? hay là cái tâm hồn chứa đựng, cái tánh nết ẩn tàng bên trong? Tất cả đều hình như không xác định được. Cũng chẳng khác gì mỗi người có một cái tên, nhưng cái tên ấy thể hiện cho cái gì thì hỏi ai mà xác định được bởi trong con người chỉ có cái xác thân qua ngũ quan qui định, còn những thành phần chủ yếu liên hệ chủ trì cuộc sống của họ thì với nhãn quan phàm tục không hề khám phá được. Nhà Phật cũng mò mẫm trong từ ngữ với dụng ý khi gán cho Thái tử Siddhartha câu nói: *"Thiên thượng địa hạ duy Ngã độc tôn"* hàm ý cho ông cái ngã mạn là tự cho mình là đáng chí tôn dù thật ra trong câu ấy, chữ Ngã không ám chỉ một ai mà có nghĩa là cái Đại Ngã *(còn gọi là Bản Thể Chơn Như)* mới thật là độc tôn. Tuy nhiên, một số tăng ni thì cứ ba hoa với truyền ngữ *"chín Trời mười Phật"* để tự cho là Phật lớn hơn Trời, nhưng khi bị hỏi mình là ai thì họ không biết. Như thế thì chính mình không biết mình là ai thì làm sao mà biết đến Trời. Hỡi ôi, vô minh đến thế là cùng! Tất cả chỉ do tính chủ quan của tôn giáo thường tự cho rằng giáo thuyết của mình là đúng hơn. Nhưng khi con người đã không biết có linh hồn đang điều động cuộc sống của xác thân mình thì còn biết đến gì cao xa hơn. Và cái Ngã đây chính là cái Ta mà Con người phải tìm biết cho chân xác vậy. Cao Đài giáo minh định việc thờ Trời cũng là thờ Người *(theo truyền khẩu từ đức Ngô Minh Chiêu)* xác nhận *(theo như Kinh Đại Thừa Chơn Giáo* về sau)*

rằng Con người là Tiểu Linh quang xuất phát từ Thượng Đế là Đại Linh Quang mà hiểu theo Đạo học Đông phương là Tiểu Ngã và Đại Ngã. Đại Ngã vốn là khối Linh Năng bao quát cả Càn Khôn Vũ trụ khi Tiểu Ngã thì bị gò bó trong một xác thân nên dễ thường bị chi phối bởi những vật nhiễm của hoàn cảnh mà mất đi phần hồn nhiên tự giác ban đầu, cho nên con người phải tìm đường tấn hóa để trở lại buổi khai nguyên theo nguyên lý bảo tồn* của vũ trụ. Chư Phật Tiên Thánh Thần đã tùy căn cơ và trình độ mà đã hội nhập cái tiểu ngã của mình vào cái Đại Ngã của Vũ trụ nên lời Đức Cao Đài đã cho biết năm 1926 rằng : *Có Thầy mới có các con. Có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật* thì đó là một chân lý mới do Cao Đài giáo khải ngộ cho nhân loại không chối cãi vậy.

• ngạ quỷ

démons faméliques[F] - *starving demons*[A] - 餓鬼 - Quỷ đói. Sách Phật nói ngạ quỷ là cảnh giới liền theo địa ngục là một trong lục đạo* luân hồi, xem như là sáu ngả đường mà con người hay cả Trời cũng phải trải qua, chỉ có Phật, A La Hán *, Bồ Tát* là thoát lối đi này dù rằng họ cũng đã là con người 100%, cũng sinh ra từ một bà mẹ và khi chết cũng nhắm nghiền đôi mắt có khác gì đâu. Nhưng cảnh giới này ở đâu thì sách Phật không nói tới. Cao Đài giáo phủ nhận luận điệu này bởi cho đây là do hàng giáo phẩm chủ quan đưa ra mà thôi. Ngạ quỷ thật ra cũng đã là một linh hồn con người thường nhưng có khác là buổi sinh tiền đã tạo nên những tội lỗi gây đau khổ cho nhiều người nếu không phải tạo nên những thảm họa cho cả một xã hội. Khi lìa thế gian, các hồn này vẫn không hồi đầu qui thiện mà kết bè đảng với đồng bọn tìm cách quấy nhiễu đó đây khi bị đày đọa nơi cõi Diêm Phù*. Một số ngạ quỷ phải chịu cảnh lạc loài nơi đây chỉ vì không có người hương khói thờ phụng tại thế gian. Loại ngạ quỷ thì đã bị mất đi phần chơn dương để tồn tại lâu dài, cho nên chúng chỉ hiện diện trong thời gian để chờ ngày tự diệt hoặc sẽ luân hồi vào thể xác của loại thú cầm hay các động vật hạ đẳng khác để chịu sự trừng phạt nơi cõi vô hình theo luật Thiên điều mà tục ngữ còn truyền lại: *"Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu"*.

• Ngạn Uyển

岸苑 - Tên một khu vườn ở cõi Trung giới, nơi linh hồn người chết trước tiên được dẫn độ đến đó vào ngày thứ chín sau khi lìa đời *(tuần cửu* thứ nhứt)* để chờ lịnh Vô hình.

• ngày giỗ

Xem lễ kỵ nhựt*.

• ngày lành tháng tốt

Le jour et le mois fastes[F] *- The suspicious day and month*[A] - Quan niệm dân gian xưa nay dù Đông hay Tây đều tin vào những ngày giờ trong năm có thể xảy ra điều tốt hay điều xấu nên thường xem lịch tướng số hay tìm thầy bói coi hộ nhất là trong những sự việc quan trọng trong cuộc sống, nhất là những dịp quan, hôn, tang, tế. Tính e dè thận trọng này không phải là không có nguyên do. Bởi trong ca dao Việt nam có câu: *"Mồng 5, 14, 23 - Đi chơi cũng lỗ lựa là đi buôn"* hay người Tây phương thường kiêng cử số 13 và nhất là ngày thứ sáu 13 tây. Sự thể không biết xuất xứ từ bao giờ đã xảy đến trong đời sống như thế. Kẻ đã kinh nghiệm với sự thể thì cho là có ngày lành tháng tốt, người không tin thì cho là mê tín dị đoan. Thật ra thì mọi việc trên thế gian này đều do con người làm ra và phải gánh chịu hậu quả, đó là luật nhân quả mà tôn giáo nào cũng có sự thuyết giảng thích nghi trong khi ngày tháng thì theo thời tiết mưa nắng ấm lạnh thất thường dù các cơ quan dự báo cũng có khi không chính xác thì có làm sao minh định nó lành tốt hay không được. Có một điều là mọi việc xảy ra trên đời đều có một nguyên nhân mà mấy ai đã tìm cho rõ thấu?!

• Ngân kiều

銀橋 - Chiếc cầu nơi cõi Vô hình giành cho linh hồn người chết sau tuần cửu* thứ nhứt bước qua tuần cửu thứ nhì bắt đầu đi vào lộ trình tiếp diễn theo quyền pháp thiêng liêng.

Hội Ái Hữu Cao Đài Giáo Thái Chân

• Ngẫu lực

Couple^{F} - *Couple*^{A} - Sách Thể Tính Học* xác nhận Ngẫu lực là thể tính ở trạng thái tự biến có khi song hành có khi ngược chiều tương phản nhau nhưng vừa khống chế vừa bồi bổ nhau. Cả hai đều nằm trong Tiềm Lực Thiên Nhiên* và hiện thể dưới hai dạng Tâm Vật hiện hữu trong Vũ Trụ.

• ngẫu nhiên thuyết

occasionnalisme^{F} - *occasionalism*^{A} - 偶然說 - Lý thuyết về các nguyên nhân ngẫu nhiên do Malebranche minh hoạ. Ông nhận thấy trong các nguyên nhân thiên nhiên một *"cơ hội"*, trong đó Thượng Đế, Nguyên Nhân thật sự của vạn vật đã thể hiện lực lượng và quyền năng. Đặc biệt như thể xác và tinh thần là những chất thể bất động thì không thể nào tác dụng lẫn nhau, sự quyết định của ý chí chỉ là nguyên nhân cơ hội của một ý tưởng trí óc, chính Thượng Đế là Nguyên Nhân thật sự của mọi hành động con người. Theo Malebranche, cũng thế đối với các nguyên nhân thiên nhiên: các phong trào trong cuộc sống chỉ là những hiện tượng của một sức mạnh tinh thần nguyên thủy vốn đã do tác dụng của Thượng Đế. Nhưng cũng vẫn thế *(chủ thuyết tâm lý rất có giá trị)* trong những quan hệ giữa *"trí óc"* nghĩa là giữa những người với nhau: khi tôi nói người khác chỉ hiểu tôi bằng một sức không phải từ tôi tới, nhưng tác dụng nơi họ một cách hoàn toàn tự động thì lời nói của tôi chỉ là nguyên nhân cơ hội của sự hiểu biết của họ. Chủ thuyết thần học này đã gợi hứng biết bao nhà tâm lý học và các triết gia hiện đại.

• Ngẫu tượng giáo

Paganisme^{F} - *Paganism*^{A} - 偶像教 - Danh từ do các người Cơ Đốc đầu tiên gọi Đa Thần giáo mà dân chúng miền quê còn trung thành rất lâu. Về sau, người ta gọi *"paien" (lương)* những người thờ các Thần ngoại đạo hay Gia Thần. Nhưng danh từ Ngẫu tượng giáo thì gắn chặt với các tín ngưỡng Hy Lạp hơn. Người ta còn dùng danh từ này để gọi các tôn giáo khác, cả đến tư tưởng tự do và cả sự thờ thần tượng nơi các dân tộc nguyên thủy.

• nghệ thuật

art^{F} - *art*^{A} - 藝術 - Cách thức làm một việc gì theo qui tắc. Nói cách khác, từ thế kỷ XIX, nghệ thuật là sự diễn tả bằng một sáng tạo thẩm mỹ gọi là mỹ thuật. Vấn đề triết học tổng quát là vấn đề phận sự của nghệ thuật. Đầu tiên, người ta nghĩ rằng nó là sự diễn tả vẻ đẹp. Vả chăng cái gì là vẻ đẹp? Một khái niệm như thế có thể có một giá trị khách quan hay ngược lại, nó phát xuất từ phán đoán cá nhân của mỗi người? Một vật đẹp phải chăng bởi vì tôi cho nó đẹp hay sởi dĩ tôi cho nó đẹp bởi vì nó đẹp thật sự? Từ Platon đến Kant, các triết gia đã tìm cách tạo nên thể khách quan của nghệ thuật và của vẻ đẹp. Kant nói: *"Cái đẹp là cái gì làm cho mọi người vui lòng mặc dù người ta không thể minh chứng bằng trí thức"*, và tương quan vào đó, người ta nghĩ rằng có một *"vẻ đẹp tự nó"*, một lý tưởng chung từ đó các tác phẩm nghệ thuật phải gần nhau trong mức độ có thể có được. Khái niệm cổ điển về nghệ thuật này ứng hợp với nhiều lĩnh vực như sự hòa hợp, sự trong sạch, danh vọng, sự trong sáng, sự cao cả của tâm hồn. Tượng Thánh Mẫu của Raphael, lời thề của Bossuet, một dinh thự của Mansart, một bản hòa nhạc của nhà thờ đã cho thấy cùng một lý tưởng. Phận sự của nghệ thuật là lý tưởng hóa thực tại. Thứ nữa, lịch sử nghệ thuật đưa chúng ta thực sự phân giải vẻ đẹp của một tác phẩm nghệ thuật và sự trình diễn một vẻ đẹp. Nghệ thuật có thể đẹp và gợi ra một xác chết *(Beaudelaire)*, sự xấu xa *(Goulou của Toulouse-Lautrec)*, sự kỳ quái *(Le nain de Vélasques)*, sự ghê sợ *(Bosch)*. Phận sự của nó là cho ta thấy cái mà Malraux gọi là *"phần ăn tối của thế giới"*, điều thường trốn đi trước cái nhìn của chúng ta hằng ngày và rằng những thói thường về những tập truyền xã hội không cho chúng ta nhìn thấy. Goya không chịu sự trình diễn cái đẹp như là sự nói dối và một sự mù quáng. Theo một quan niệm mới, nghệ thuật thật là hiện thực: phận sự của nó không phải diễn tả vẻ đẹp mà là diễn tả đúng thực tế. Nói tóm lại, chúng ta đồng ý

rằng khái niệm về vẻ đẹp ngày nay thay thế cho sự chính xác. Cái mà một tác phẩm diễn tả một cách chính xác có một thực tế độc lập hẳn với chúng ta: các tác phẩm của Van Gogh diễn tả một cái nhìn bi quan nào đó của thế giới; chúng ta có thể không muốn nhìn Van Gogh, chúng ta không thể cho rằng sự bi thảm không có trong các tác phẩm. Chính theo nghĩa đó mà trong các tác phẩm nghệ thuật có một thực tại khách quan độc lập đối với cảm quan của con người. Và như thế thì nghệ thuật chỉ vị nghệ thuật mà thôi thì nó chỉ có giá trị cho các nghệ nhân chứ quần chúng có cần gì thì thử hỏi nó có ích lợi gì cho cuộc sống thế nhân không?!

• nghĩa

dévouement[F] - *righteousness*[A] - 義 - Việc phải làm có tính cách cần ích chung, một trong năm đức tính của người đạo đức qui định trong Nho giáo. Phàm việc gì không phụ thuộc về mình mà làm gọi là việc nghĩa. Bởi vậy, con người phải có bổn phận trong gia đình, nhưng lại phải có nghĩa vụ trong xã hội. Đức Khổng dạy người quân tử phải lấy đạo nghĩa làm gốc, sau đó cần có những đức tính khác để thi hành việc nghĩa: *"Quân tử nghĩa dĩ vi chất: lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, quân tử tại" (Luận ngữ-Vệ Linh công - XV).* Ý nói người quân tử lấy nghĩa làm gốc cho mọi sự cho nên bao giờ cũng lấy nghĩa làm cốt: làm điều nghĩa thì cần có tiết văn, thi thố điều nghĩa thì cần có sự tôn nhượng, thành được điều nghĩa là ở sự thành tín, đó là việc của người quân tử xứng đáng lưu danh.

• Nghiễn

*Xem Vu Hích**.

• Nghiệp

Karma[P] - Ị - Danh từ Phật giáo để giải thích cuộc sống thế nhân qua những hậu quả của *"Thập nhị nhân duyên"*. Từ đó có từ ngữ nghiệp lực của con người và cũng do nghiệp lực của con người mà vạn hữu mới có. Tâm thân tập hiệp này lại là tạo nghiệp để sẽ làm nguyên nhân cho cuộc tập hiệp về sau. Ấy gọi là dẫn nghiệp. Sự hành vi hằng ngày của ta sinh ra tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Tam nghiệp cứ lớp trước tàn, lớp sau nối, liền liền như những khoan dây xích. Thâm tâm ta bởi đó mà tiếp dẫn với chủ quan giới và khách quan giới. Nghiệp có cộng nghiệp và bất cộng nghiệp. Cộng nghiệp tức là nguyên nhân của nhiều người trong đó có cá nhân và bất cộng nghiệp là nguyên nhân của cá nhân trong đó có nhiều người. Kinh Phật nói rằng: *"Mỗi vũ trụ là một thế giới của một Thái dương hệ do sự cộng biến của nghiệp lực chúng sanh mà có"*. Và then chốt của sự tạo thành thế giới ấy cũng là nghiệp lực. Thật là một lý giải của khoa *"Thiên văn học"* quá ấu trĩ mà Phật gia đã biện minh cho cái nhân duyên mà các nhà sư có dụng ý nói ra thế chủ quan mù mịt của mình mà thôi. Chứ theo nhà sư Nhật Daisetz Teitaro Suzuki trong sách Thiền luận - tập thượng - thì cái từ ngũ nhân duyên để có cái nghiệp lực này chỉ là do các sư tạo ra chứ đức Thích Ca không dùng cái nghĩa đó. Cho nên, chính các người học Phật đã hiểu sai lời Phật nói mà bày ra đủ thứ huyền thoại khiến cho Phật giáo đã bị thất kỳ truyền không bao lâu sau khi Phật nhập diệt. Thật ra danh từ nghiệp chỉ để cho thấy một vấn đề nhân sinh quan tiêu cực di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong cái thế sa đọa của con người có hậu quả trong sự luân hồi chuyển kiếp của con người mà cái tam nghiệp trên kia mới có ý nghĩa phần nào, còn ngoài ra thì sau khi chết linh hồn họ sẽ biết rõ hơn.

• Nghiệt đài

palais du Psyché[F] *- palace of Psyche*[A] - 孽臺 - Một cảnh giới nơi cõi vô hình để cho linh hồn người chết đến đó để được cho biết rõ tội phước căn sinh của mình, còn gọi là đài Chiếu giám nơi cõi Xích Thiên *(tầng trời thứ ba).*

• Nghiêu *(thế kỷ XXIV trc Tl)*

堯 - Tên là Phong Huân, con vua Cốc, lên ngôi năm -2357 trước Tây lịch, tương truyền ở ngôi được 100 năm sau khi chư hầu phế vua Chí *(cũng con vua Cốc, ở ngôi được 9*

năm) mà lập nên ở đất Kỳ *(Trung Hoa)*. Vua Nghiêu năm 61, có trận lụt to, vua sai ông Cổn phong là Sùng Bá trị nạn lụt. Vua Nghiêu năm 70, vua sai bốn Bậc Trưởng của chư hầu ở bốn phương mang lịnh cho Ngu Thuấn *(ông Thuấn lúc ấy mới 29 tuổi)* thay vua lo việc hành chánh. Vua Nghiêu năm 75, sai ông Vũ làm quan Tư Không lo trị nạn lụt. Vua Nghiêu năm 100 băng hà nhường ngôi lại cho vua Thuấn*.

• ngoại đạo

laique[F] - *laic*[A] - 外道 - Danh từ thường dùng của Da Tô giáo và các Giáo hội Âu châu để chỉ những người không cùng tín ngưỡng với mình, có khi còn gọi họ là tà giáo.

• ngoại đạo tính

laicité[F] - *laicality*[A] - 外道性 - Tính chất của cái gì không phải của giáo hội hay của tôn giáo. Nguyên lý của ngoại đạo là tách rời giáo quyền và chánh quyền và nói riêng là sự trục xuất các giáo hội ra khỏi tổ chức giáo dục. Độ sâu của giáo quyền chỉ có thể có khi người ta phụ thuộc một cách tự do tinh thần vào đó. Nguyên lý ngoại đạo tính về giáo dục do Jules Ferry soạn ra đã được đặt vấn đề bởi đạo luật ngày 31 tháng 12 năm 1959 thiết lập bởi một chính quyền chấp nhận sự đỡ đầu của quốc gia đó cho một tổ chức tôn giáo tư. Sáng kiến này đã mất đi với sự tự do giáo dục được đính chính về phương diện kinh tế bởi số đông học sinh và số ít các trường học và thầy giáo. Thế nên, biện pháp đã được ghi trong một chương trình hoạch định nhà trường nhắm vào sự lợi ích cho học sinh các vùng và các thầy giáo ở đó.

• Ngoại giáo Công truyền

Éxotérisme[F] - *Exoterism* [A] - 外教 公傳 - Phần giáo thuyết truyền giảng công khai của một tôn giáo với các tổ chức giáo hội, nghi lễ, kinh sách, có tính cách đi vào quần chúng và tìm đường giải thoát chung, Cao Đài giáo gọi là phần Phổ Độ*. Các tôn giáo ở Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ thường được tìm hiểu qua phần này nên dễ thường không hội tụ đủ tính cứu độ của nó. Vả chăng, pháp môn bí truyền của các cựu giáo đến nay khó mà tồn tại bởi thời gian quá lâu không thể giữ được mức độ thành đạo ban đầu của các Giáo chủ bởi sự canh cải của phần nhân sự cho dù họ là những kế thừa của vị Giáo chủ. Bởi thế, Cao Đài giáo đã phân biệt hai dòng tu riêng nhưng phụ giải nhau trong công trình cứu độ chúng sanh tùy theo căn cơ mỗi người hoặc đủ căn duyên thì đi thẳng vào Nội giáo Tâm truyền Vô Vi*, còn chưa đủ thì đi vào cơ Ngoại giáo Công truyền Phổ Độ*, cả hai đều cùng một cơ hóa độ của Đức Cao Đài, Giáo chủ vô hình. Cho nên, một khi mức độ tu hành của người tín đồ đã đến mức thuần thành cao độ thì thành quả ấn chứng* không khác nhau, cùng *"mở Thiên Nhãn*"* dù buổi sinh tiền chỉ theo một ngả Vô Vi hay Phổ Độ không liên hệ với nhau. Lịch sử hai phần Vô Vi và Phổ Độ* đã chứng minh thành quả này.

• Ngọc

玉 - Danh từ đứng đầu một đạo danh của hàng chức sắc Cửu Trùng Đài nam thuộc phái Nho.

• Ngọc cơ

La précieuse corbeille à bec[F] - *The jade corbeil with beak*[A] - 玉乩 - Danh từ để chỉ một cách trang trọng cái cơ bút*. Trong phần Vô Vi, ngọc cơ nhỏ và ngắn được lưu dụng từ nhóm cầu tiên ở Tân An rồi ở Phú Quốc *(năm 1920)* mà người đồng tử là cậu bé Lê Ngưng*

từ đức Ngô minh Chiêu còn được lưu giữ tại Cần Thơ. Bên Phổ Độ thì ngọc cơ đã có từ nhóm phò loan* do ông Phán Tý sưu tập từ

chi Minh Thiện *(năm 1925)* và đã được đức Ngô chỉ dẫn cách cầu với bài cầu mà ngài đã dùng từ trước với ông Vương quan Kỳ và nhóm phò loan còn lưu giữ tại Tây Ninh *(hình như ngọc cơ này dài và lớn hơn).*

• Ngọc Diệt Hình

玉滅形 - Một cung nơi cõi trời Xích Thiên *(tầng trời thứ ba)* nơi linh hồn người chết được hướng dẫn đến đó để biết kết quả việc tu học của buổi sinh tiền.

• Ngọc Hoàng Thượng Đế

Dieu Suprême[F] *- Supreme God*[A] - 玉皇上帝 - Thường được dân chúng Việt Nam gọi *"Ông Trời"*. Các dân tộc đều có một danh xưng riêng, chung qui cũng chỉ để bày tỏ lòng kính sợ và van vái Ngài những khi gặp hoạn nạn. Tùy theo lòng tín ngưỡng mỗi nơi mà người Do Thái gọi Ngài là Yaweh hay Jehovah, người Ả Rập gọi Ngài là Allah, người Hy Lạp gọi là Zeus, người Trung Hoa gọi là Thiên Đế, người Anh gọi là God, người Pháp gọi là Dieu, các dân tộc thiểu số Việt Nam gọi là ông Yàng... Đại thể thì nơi đâu cũng biểu lộ lòng tôn kính của mình đối với một Quyền Năng Vô lượng, một Tiềm Lực Vô song, một Đấng Chúa Tể Càn Khôn Vũ Trụ mà khó có thể nhận diện một cách tường tận bằng ngũ quan con người. Cao Đài giáo đã được sự chỉ dạy của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài vào thời Hạ nguơn mạt pháp này để độ tận chúng sanh theo hai ngả Vô Vi và Phổ Độ tùy theo căn cơ của mỗi người dù lương hay giáo với lời xưng tụng trong Ngọc Hoàng Thượng Đế bửu cáo*.

• Ngọc Hoàng Thượng Đế bửu cáo

Cantique à Dieu[F] *- Canticle to God*[A] - Bài xưng tụng công đức của Đức Thượng Đế do đức Ngô Minh Chiêu đã thọ lãnh từ chi Minh Thiện và dùng để tụng niệm trong việc tu học từ đầu năm Tân Dậu *(1921)* tại Phú Quốc theo sự chỉ dạy của Đức Cao Đài *(qua đồng tử Lê Ngưng)*. Bài này do cơ bút qua đức Lử Tổ Đại Tiên giáng cơ tại Trung Hoa đời vua Quang Tự năm 1891, nguyên văn như sau:

Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng
Hoá dục quần sanh, Thống ngự vạn vật
Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết, Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh,
Nhược thiệt, nhược hư, Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hoá.
Thị không, thị sắc, Vô vi nhi dịch sử quần linh.
Thời thừa lục long, Du hành bất tức,
Khí phân tứ tượng, Hoát truyền vô biên.
Càn kiện cao minh, Vạn loại thiện ác tất kiến.
Huyền phạm quãng đại, Nhứt toán họa phước lập phân.
Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới,
Hạ ốc Thất Thập Nhị Địa. Tứ Đại Bộ Châu.
Tiên thiên, Hậu thiên, Tịnh dục Đại Từ Phụ,
Kim ngưỡng, Cổ ngưỡng, Phổ tế Tổng Pháp Tông.
Nải Nhật Nguyệt Tinh Thần chi quân,
Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ.
Trạm tịch chơn đạo,
Khôi mịch tôn nghiêm.
Biến hóa vô cùng, Lủ truyền bửu kinh dĩ giác thế,
Linh oai mạc trắc, Thường thi thần giáo dĩ lợi sanh.
Hồng oai hồng từ, Vô cực vô thượng,
Đại Thánh đại nguyện, Đại tạo đại bi.
Huyền Khung Cao Thượng Đế
Ngọc Hoàng (tích phước hựu tội) Đại Thiên Tôn.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tạm dịch nghĩa:

Ngôi Thiên Đế trên Cõi Đại La,
Vị Thánh Hoàng của Ngôi Thái Cực
Đã hóa dục quần sanh và thống ngự vạn vật.
Nơi Cửa Trời vào Ngôi Bạch Ngọc đầy huyền diệu,
Cũng thấy có đó mà cũng không thấy được, dù không phát ngôn mà đức háo sanh biểu hiện.
Cũng cảnh Hư không nhưng cũng đầy hình sắc, không có hành động nhưng đã điều động được chúng sanh.
Theo thời gian cõi sáu rồng đi mãi trong không gian không ngừng nghỉ.
Từ Linh Khí phân ra Tứ Tượng, rộng ra cùng khắp,
Từ Ngôi Càn cao minh đều thấy rõ việc thiện ác trong vạn loại.
Nơi Cõi Huyền diệu bao la, mỗi việc họa phước đều được phân định.
Trên thì cai quản 36 Cõi Trời và 3000 Thế Giới,
Dưới thì thu dụng 72 Địa Cầu và 4 Đại Châu.
Trước hay sau khi Vũ trụ thành hình, tất thảy đều xưng tụng Đấng Cha Lành.
Đời nay đang chiêm ngưỡng mà đời xưa cũng đã chiêm ngưỡng. Đem truyền dạy mọi chơn pháp mọi tôn giáo.
Lại là Vua Thần Lực của Mặt Trời, Mặt Trăng và

Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh

Tinh Tú hữu hình,
Cùng là Chủ Tể của chư vị Thánh Thần Tiên Phật nơi cõi vô hình.
Nguồn Chánh Đạo mênh mông bao quát, Đức tôn nghiêm sáng tỏ.
Phép Thần Thông biến hóa vô cùng, Lại gieo truyền kinh báu để thức tỉnh cõi đời.
Khí Oai Linh ẩn tàng, thường lấy lời Thần Thánh mà giáo hóa lương sanh.
Thật đủ hồng oai cũng đủ đại từ không gì cùng tột cũng không gì cao hơn,
Vị Đại Thánh với Đại Nguyện, Đấng Tạo Hóa với lòng Đại Bi,
Kinh dâng Đấng Thượng Đế nơi Huyền Khung cao cả, Đức Ngọc Hoàng, Đấng Thiên Tôn xin bũa ân hồng ban phước và thứ tội cho chúng sanh.
Xin nguyện quy y Đức Cao Đài Thượng Đế.

• Ngọc Hoàng Sấm

Oracle de Dieu[F] *- God Oracle*[A] - 玉皇讖 - Nghi tiết đại đàn đánh ba hiệp Bạch Ngọc chung*, tiếp ba hiệp Lôi Âm cổ*, mỗi hiệp mười hai hồi, mỗi hồi mười hai dùi rồi mới tiếp lễ nhạc để bắt đầu buổi đại lễ sau đó. Lẽ cố nhiên, mọi cử động trong cuộc lễ đều phải do các lễ sĩ xướng lên lịnh trước mới thi hành cũng có ý cho cả tập thể cùng hưởng ứng đồng loạt một lượt.

• Ngọc Hư Cung

Palais du Joyau des Pondérables[F] *- Palace of the Ponderable Jewel*[A] - 玉虛宮 - Một nơi trên cõi Hư Vô Thiên *(tầng trời thứ tám)* nơi các đẳng linh hồn siêu thoát đến dự đại hội Phật Tiên để được Thánh hóa và đắc Thiên vị.

• Ngọc Kinh

玉京 - Xem Bạch Ngọc Kinh*.

• Ngọc Minh Thánh Tòa

Tổ đình của phái Minh Chơn Đạo* ở ấp Giồng Bốm, xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bặc Liêu, Nam Việt.

• Ngọc Nữ

Pucelle[F] *- Fairy*[A] - 玉女 - Các nữ nhi phục vụ cho các Tiên nữ nơi cõi Vô hình .

• Ngọc Sắc

Ordre Divin[F] *- Divine Order*[A] - 玉赦 - Sắc lịnh ban từ Bạch Ngọc Kinh* tức Sắc lịnh của Thượng Đế.

• Ngọc Thanh

Suprême Beau[F] *- Supreme Fair*[A] - Danh từ đạo pháp chỉ Nguơn Tinh* phần Vô Vi.

• Ngọc Thanh Thiên

Ciel Beau Suprême[F] *- Supreme Fair Sky*[A] - 玉清天 - Tầng trời thứ mười trong Thập Nhị Khai Thiên.

• Ngô Minh Chiêu *(1878-1932)*

Sinh năm 1878 tại Sài Gòn trong một gia đình nghèo tại Bình Tây - Chợ Lớn, cậu bé Chiêu đã lớn lên trong hoàn cảnh cơ cực của gia đình cùng đinh khi đất nước bị lệ thuộc Pháp. Phải chăng Thiên mạng đã buộc các Thiên sứ cùng trong cảnh ngộ - như đấng Christ bên trời Do Thái - để sẽ đảm nhiệm sứ mạng về sau. Vì nhà quá nghèo, mồ côi cha từ tấm bé, cậu Chiêu đã lớn lên trong sự đùm bọc của bà cô ruột tại Mỹ Tho. Tuy còn nhỏ nhưng cậu bé Chiêu đã sớm có tinh thần tự lập, không muốn mãi nương tựa vào vị ân nhân đã có công bảo bọc trong việc sinh sống và học hành *(ông Đốc phủ Sủng)* từ hồi tấm bé cho đến khi đỗ bằng Diplôme *(Thành chung)* năm 1899. Từ đây, là công chức sở Tân Đáo rồi Thư ký tại Soái phủ Sài Gòn, cuộc sống của người thanh niên đang độ đã lập gia đình với người vợ đảm đang tại Sài Gòn thì năm 1909, cả gia đình phải dời về Tân An với chức vụ Thư ký tại Tòa Bố. Cuộc sống đã quen trong cảnh bần bạch, tuy có quyền thế nhưng không hề thâm lạm của ai, cậu thông phán đã có được cảm tình của bà con chòm xóm bằng lòng từ thiện, giúp khó trợ nghèo. Năm 1917, thi đậu tri huyện tại Sài Gòn, ông lại xin ở lại Tân An để hầu hạ bà mẹ già. Trong thời gian này, với chức chủ quận, ông càng tỏ ra đức độ khoan duug độ lượng trong khắp quận đều thấy rõ. Có nhiều vụ minh oan cho nạn nhân bị kẻ có quyền thế ức hiếp, cả đến nạn nhân bị chết cũng được gọi hồn để tự minh oan, kết quả kẻ ức hiếp bị tội. Chính trong một tâm trạng người dân của một nước bị trị,

Hội Văn Hóa Cao Đài Đông Tân Thái Chân

tuy có chức có quyền làm gì chẳng được mà quan phủ Chiêu vẫn sống cuộc đời bần bạch trong căn nhà gỗ ba gian và chăm lo mẹ già như khi còn nhỏ. Lòng hiếu thảo như thế đã đưa ông đến các buổi đàn cơ ở chi Minh Thiện tại Thủ Dầu Một. Và cuộc sống của một chân tu đã manh nha từ đó. Hai lần đến đây để xin thuốc tiên chữa bệnh cho bà mẹ, quan phủ dã được Vô hình cho biết ít nhiều về tiền căn của mình nên ông đã thành lập một nhóm cầu tiên tại nhà khoảng 1919. Khi ấy có một vị Tiên xưng danh Cao Đài Tiên Ông giáng cơ mà chỉ quan phủ biết là Đức Thượng Đế. Mặc dù chế độ bị trị Pháp thuộc nhưng tấm lòng mến nước thương dân thường khi biểu lộ một cách rõ rệt. Và thế là năm 1920, sau khi bà mẹ qui liễu, ông được lịnh đổi đi Hà Tiên rồi Chủ quận Phú Quốc, một hải đảo thuộc vịnh Thái Lan. Ông đi một mình và lại cũng tổ chức những buổi cầu tiên tại một ngôi chùa ở núi Dương Đông. Cũng một dạ như hồi còn ở quê nhà dù nơi hảo đảo dân chúng thường sống nghề biển, quan phủ đã tận tình khuyến dân làm việc thiện và canh tân xã hội, lại có thái độ đải ngộ những nhà yêu nước bị Pháp tù đày nơi hải đảo xa xôi này mà không ngại tai mắt của bọn lính kín. Thế nên, một đại lộ tại đây đã lấy tên Huyện Chiêu mãi về sau 1975, bọn cộng sản tam vô đã hủy bỏ đi. Cũng từ 1920, Đức Cao Đài lại giáng hiện nơi hải đảo này và khuyên ông ăn chay trường, rồi lại hiện Thiên Nhãn cho ông làm biểu tượng thờ Ngài khi bắt đầu ngộ đạo. Sự việc từ Tết Tân Dậu - 1921 đã hướng dẫn quan phủ Chiêu vào con đường Tâm pháp* luyện đạo sau lời nguyện độ thế cứu đời của ông. Và như thế, sau ba năm quan phủ đắc đạo Vô Vi năm 1924, thì được lịnh đổi về Sài Gòn. Tại đây, quan phủ Chiêu vẫn sống cuộc sống đạm bạc như bao giờ: tiền lương chia làm ba phần, một phần gởi về Tân An nuôi vợ con, một phần phước thiện đạo sự và một phần nuôi thân, lại được tiếp tục làm việc phòng Thương Mãi *(đương thời là 2ème bureau)* tại Soái phủ thì lại gặp bạn đồng nhiệp là quan phủ Vương quan Kỳ. Hai ông lại cùng trao đổi thú cầu Tiên. Cho đến năm 1925 thì nhóm xây bàn theo lối Thông linh học Tây phương là các ông Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang, Nguyễn trung Hậu lại được Vô hình chỉ dạy việc xử dụng ngọc cơ thay việc xây bàn sau khi gặp ông cựu hội đồng Thượng nghị viện Lê văn Trung, và các ông cùng được chỉ dạy đến gặp quan phủ Chiêu với lời dạy: *"Nhứt nhứt phải do Chiêu là Anh Cả*"*. Từ đó các buổi đàn cơ được tu chỉnh theo bài cầu và nghi thức của quan phủ từ trước, lại thờ Đức Cao Đài theo biểu tượng Thiên Nhãn đã có từ Phú Quốc. Cho đến đêm giao thừa Bính Dần *(12-2-1926)* đức Ngô cùng quí vị môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài có tổ chức đàn cơ tại tư gia mỗi vị trong đó ở phần cuối, Đức Cao Đài có dạy tại tư gia ông Lê văn Trung: *"Chư đệ tử nghe! Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ dìu dắt cả môn đệ ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên thối trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó..."*. Tiếp theo là lời dạy có tính cách phân công cho quí ông mỗi người một công việc đạo sự. *(Xin xem Thánh huấn khai đạo nguyên bản ở cuối sách).* Ấy thế là quí ông nô nức với công trình cứu thế mới: một bên quan phủ Chiêu vẫn lo bề tâm pháp luyện đạo tại gia, một bên quí ông còn lại lo tổ chức những cơ đàn khắp lục tỉnh Nam kỳ để phổ độ chúng sanh. Sự hòa thuận giữa hai bên được chứng tỏ rõ rệt trong thái độ của quan phủ khoản đãi quí ông vào mỗi chiều thứ bảy và không quên mua sắm cho mỗi ông một chiếc áo dài bằng xuyến đen để đi hành đạo. Nhưng cho đến tháng 4 năm 1926, bên quí ông Phổ Độ lại muốn gấp rút lập cơ khai hóa càng sớm càng tốt vì theo quí ông thì *"đạo khai trễ một ngày thì hại cho nhơn sanh chừng ấy"* nên dù chưa có lịnh ban hành giáo phẩm mà một buổi đàn cơ do hai ông Cư Tắc chấp cơ đã ban phẩm vị cho quan phủ Chiêu phẩm vị Giáo Tông cầm giềng mối đạo mặc dù trong đêm Giao thừa Bính Dần, quan phủ có bạch với Đức Cao Đài là đến năm 1933 thì đạo mới thành hình. Cơ gõ: *"Phải!"*. Tuy vậy, quan phủ dù từ chối phẩm vị Giáo Tông nhưng vẫn trả tiền công

mua sắm bộ đạo phục Giáo Tông với số tiền 80 đồng cho bà Nguyễn thị Hiếu, người may bộ đạo phục đó.. Từ đó về sau, qua một buổi

đàn cơ quan phủ dự lần cuối cùng, với lời xua đuổi quan phủ do hai ông Cư Tắc chấp cơ, quan phủ đã từ giả các ông và chỉ ở nhà lo tứ thời công phu như bao giờ, không còn bận tâm gì với các ông nữa. Phải chăng thời gian này là lúc quan phủ cảm nhận lời dặn của Đức Cao Đài trong buổi tiễn đưa quan phủ về Sài Gòn năm 1924: *"Kín ngoài rồi lại kín trong..."* nên chỉ thỉnh thoảng đi về Cần Thơ độ dẫn những nguyên căn tại đó. Với lòng thành của chư môn đệ thường thăm viếng mà không có thì giờ đáp lại, ngày 27 tháng 5 năm 1927 quan phủ có viết một lá thư thăm hỏi toàn đạo đoạn sau có một tiên tri với lời dặn không cho ai biết về sự xuất hiện Đấng Cao Tiên vào năm 1924 là Thiên Hoàng mà tiến trình cứu thế sẽ kéo dài thêm hai chu kỳ 500 năm sau nữa với Địa Hoàng và Nhơn Hoàng tổng cọng là 1500 năm nữa. Cho đến năm 1932, quan phủ trở bệnh và đã do các môn đệ vời về dưỡng bệnh tại một Thảo lư do môn dệ dựng nên ở Cần Thơ và ngày 13 tháng 3 Nhâm Thân *(18-4-1932)* quan phủ liễu đạo trên sông Tiền giang do chuyến đò đưa chiếc xe chở quan phủ trở về Sài Gòn theo lời tiên tri trước đó: *"Giờ này Thầy điểm thâm công, Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên..."* Thế là chiếc đò trở lại, quan phủ lại trở về Cần Thơ và được đem vào Thảo lư ở tư thế ngồi tọa thiền trong 5 ngày, nhưng đến ngày thứ ba thì bác sĩ bảo cho liệm vì họ ngại thời gian lâu. Một điều lạ chưa hề có trước là khi đôi mắt quan phủ vừa nhắm lại thì vài phút sau, mắt trái bỗng mở ra tinh anh như khi còn sống trong khi mắt phải vẫn nhắm nghiền.

Bác sĩ thử kéo mi mắt trái xuống và mở mắt phải ra thì không được. Chư vị đệ tử Vô Vi xem đó là ấn chứng* thành đạo của quan phủ và gọi đó là *"mở Thiên Nhãn"* về sau khi các môn đệ liễu đạo cũng ấn chứng ấy mới biết đó là huyền diệu độc nhất vô nhị từ ngàn xưa đến nay. Và khi sắp xếp mọi nghi lễ tang chế thì mới hay có phong bì với mấy lời quan phủ dặn là không nhận phúng điếu mà chỉ lo mọi việc trong 100 đồng của quan phủ để lại đây mà thôi.

Quan phủ còn dặn đám tang không đọc kinh tụng niệm làm gì vì ông đã biết ông là ai và về đâu rồi. Lại nữa, quan phủ được liệm với tư thế ngồi tịnh toạ như khi còn sống trong chiếc quan tài hình lục giác với ý nghĩa Nam Mô Cao Đài Tiên Ông và đặt trên nền đất rồi xây gạch chung quanh hình lục giác đó được 1, 2 mét thì lại nghiêng thành dần đến độ cao 3 mét thì đặt trên đó một bình bát du*. Hiện nay, ngôi bửu tháp* này vẫn còn nguyên tại nghĩa địa Chiếu Minh vốn đã được chư đệ tử mua đất thành lập từ 1927 do ông Hội đồng Võ văn Thơm chủ quản. Như thế, một đời hy sinh vì Đạo pháp vừa làm xong bổm phận đối với gia đình và xã hội như thế, thiết tưởng nếu không phải là bậc đại căn đại giác thì làm sao đắt đạo nhiệm mầu được! *(xin xem rõ chi tiết trong bộ Lịch Sử CĐĐDTKPĐ- Quyển I - Phần Vô Vi Cao Hiên tái bản 2008 tại Úc Đại Lợi)*

• Ngô thừa Ân *(1500-1581)*

Ông tự là Nhữ Trung, hiệu là Xạ Dương Sơn Nhân sinh năm 1500 đời Minh Hiếu Tông tại

Sơn Dương, phủ Hoài An thuộc tỉnh Giang Tô, là con của một nhà buôn nhỏ nhưng lại tàng trử sách. Do đó, cậu bé Ân rất ham mê các truyện kinh dị kỳ quái. Ông học giỏi đọc nhiều nhưng mãi đến năm 43 tuổi mới thi đỗ cử nhân. Năm 51 tuổi họ Ngô đến Nam Kinh tìm việc nhưng không ai giúp đỡ. Mãi đến năm 67 tuổi, ông mới được bổ làm Thừa Lại ở huyện Trường Hưng nhưng không chịu sự tùng phục nên từ chức. Sau đó, ông lại được tiến cử giữ chức Kỷ Thiện trong kinh vương phủ chuyên coi việc lễ nhạc và văn thơ nhưng chỉ 3 năm thì bất đắc chí từ quan về nhà. Từ đây ông chỉ làm bạn với văn thơ rồi mất thọ 83 tuổi. Tác phẩm của ông chủ yếu là Tây Du Ký* hoàn thành khi ông 71 tuổi, sống nghèo túng ở quê nhà. Tác phẩm gồm 100 hồi kể chuyện Tôn Ngộ Không cùng Trư Bát giới và Sa Tăng phò Đường Tam Tạng sang phương Tây *(Ấn Độ)* thỉnh kinh. Nhiều dư luận khác nhau về nội dung sách này. Có kẻ khen hay với tình tiết nhân vật phong phú biểu lộ đủ cá tính tầm thường của con người làm người đọc dễ theo dõi, nhưng cũng có người cho Tây Du Ký chỉ là tác phẩm tưởng tượng quá mức vì mức độ tư duy của tác giả chỉ có tính cách phiến diện, không theo tinh thần đạo học Trung Hoa mà chỉ dựa vào đức tin độc tôn của Phật giáo, trong đó Phật Tổ có quyền năng vô thượng, lấn át cả Đức Thượng Đế *(Tôn Ngộ Không náo động Thiên cung?)*. Phải chăng cuộc đời bất đắc chí của người Phật tử Ngô thừa Ân đã không đếm xỉa gì đến truyền thống đạo học từ Châu Hy đến Khổng Tử mà chạy theo truyền thuyết ngoại bang, dù đó chỉ là một huyền thoại Ấn Độ?! Nhưng nếu vì bất mãn với đất nước mình mà làm như vậy thì phỏng có giá trị gì?!

• Ngôi Ba

La 3ème Personne de la Trinité Céleste[F] - The 3rd Preson of th Holy Trinity[A] - Theo thể chế Cơ Đốc giáo, Ngôi Ba là Thánh Thần.

• Ngôi Hai

La 2ème Personne de la Trinité Céleste[F] - The 2nd Person of the Holy Trinity[A] - Theo thể chế Chúa Ba Ngôi, Ngôi Hai là ngôi Thiên Sai lãnh sứ mạng nơi Thượng Đế lập đạo cứu đời cũng được gọi là Giáo chủ của một mối đạo như đức Moise, đức Jésus trong khi đức Mahomet qua vị Thần Gabriel nên chỉ gọi là Thiên sứ. Cùng một nguyên lý Đạo học đó, Cao Đài giáo gọi đức Thích Ca là Giáo chủ Phật giáo, đức Lão Đam là Giáo chủ của Lão giáo, đức Khổng Khâu là Giáo chủ của Khổng giáo và như thế đức Ngô Minh Chiêu cũng đã được Đức Cao Đài bảo *"làm chủ mối đạo" (Thánh ngôn đêm giao thừa Bính Dần - 12 tháng 2 năm 1926)* thì ngài phải được xem như là Ngôi Hai của Cao Đài giáo bởi đã để lại một mối đạo có biểu tượng Thiên Nhãn từ ngài và một bí pháp* tâm truyền tạo Tiên tác Phật với ấn chứng* mầu nhiệm là *mở Thiên Nhãn* mà các cựu giáo không có được.

• Ngôi Một

La 1ère Personne de la Trinité Céleste[F] - The 1st Person of the Holy Trinity[A] - Nguồn phát sinh chân lý vũ trụ, có thể kể theo cách xưng tụng khác nhau theo ngôn từ bản xứ, nhưng nguyên lý đạo học vẫn là một đấng Chúa Tể Vũ Trụ mà người Đông phương gọi Thượng Đế và người Tây phương gọi Dieu hay God. Nói theo tôn giáo thì là Jéhovah *(Yaweh: Do Thái giáo - Cơ Đốc giáo),* Allah* *(Hồi giáo)* và Cao Đài *(Cao Đài giáo)*.

• ngôi vị

trône[F] - throne[A] - Cao Đài giáo quan niệm rằng mỗi một nhân thân hiện diện trên mặt đất này hay nơi một địa cầu nào khác trong vũ trụ cũng đã phát xuất từ một Bản Thể* khai nguyên bất khả tri mà phần Tâm thể* của họ đã có một vị trí nơi cõi vô hình khi còn trong trạng thái vô nhiễm. Cho đến khi linh hồn lại vào nhân thế để chịu sự khảo hạch trên trường tấn hóa thì không làm sao tránh khỏi những câu nhử về phần Vật thể* tức là xác thân họ nên linh hồn cũng bị ô nhiễm theo, càng đi vào thời gian càng bị sa lầy thảm não như tình trạng nhân thế hiện nay. Do đó, Cao Đài giáo kêu gọi sự thức tỉnh của mọi người để biết mình có một vị trí cao

Hội Văn Hóa Đạo Cao Đài Tây Ninh

đẹp từ buổi khai nguyên cần phải tìm về tức là ngôi vị cũ của mình, đó cũng là lịch trình tấn hóa không thể thiếu khi Vũ trụ cần bảo tồn tính vĩnh cửu. Cũng còn gọi người chết là *trở lại quê xưa* theo nghĩa này.

• *Ngụ Đời*

Ode à la vie séculière[F] *- Ode to the secular life*[A] - Một bài Thánh ngôn do đức Lý Thái Bạch* giáng cơ tại Từ Lâm Tự ngày 8 tháng 12 Bính Dần *(11-1-1927- đồng tử: hai ông Cư- Tắc)* tiếp tục trong 6 lần đương thời hành lễ tại Gò Kén phổ độ chúng sanh cho đến ngày 22 tháng chạp Bính Dần *(25-1-1927)* mới hết. Lối thơ Động Đình này là một lối thi Tiên gồm nhiều đoạn biến thể câu ngắn gồm 1 chữ và những câu dài từ 2 đên 12 chữ, vần điệu du dương tuyệt diệu với nhiều thể tượng hình khác nhau như lưỡng nghi *(hai chữ)*, tứ tượng *(bốn chữ)*, bát quái *(tám chữ)*... Nội dung diễn tả cảnh sống vất vả tại thế gian, điển hình tại xã hội Việt Nam trong lòng thế kỷ XX qua tám trạng thái sinh hoạt cố hữu: sĩ, nông, công, thương, ngư, tiều, canh, mục mà người dân đen phải cam chịu cảnh lầm than trải dài từ nghìn xưa cho đến thế kỷ văn minh mà họ vẫn cam chịu cảnh cơ hàn một cách rõ rệt dù chưa hình hiện trong hiện tại mà tương lai đã như thấy rõ từ quá khứ trong khung cảnh đầy chiến tranh tao loạn tại đất nước này.

Nguyên văn như sau :

I - Điệu Thái Cực:

Nhập Hư Vô:

Đời hằng đổi, nước non không đổi,
Giữ nhơn luân nhờ mối đạo truyền,
Nhẫn lo trọng tước cao quyền,
Đem thân trần cấu gieo miền trầm luân!
Biệt cành, lá rụng đầy rừng.
Con thuyền bát nhã lỡ chừng độ duyên!
Thái Cực:
Sắc,
Tài,
Tửu,
Khí

Nhập lại Hư Vô:

Lưng vơi lấy chí anh hùng
Mượn gươm thần huệ dứt lần trái oan!

II- Điệu Lưỡng Nghi:

Tam giáo:
Vụ chữ nhàn
Mến giang san
Phế vua quan
Ngừa trị loạn!
Xem qua như chốn hí trường
Lẻ loi mặt nịnh, lỡ làng phận trung.
Chẳng ai nắm kiếm thư hùng
Thành nghiêng khôn đỡ, vạt rừng khôn nâng

Lưỡng nghi*:*

Sĩ dân,
Soái tướng,
Quân thần,
Chính chuyên thay phận phàm nhân
Đỡ nương chẳng biết dựa gần người binh!

III- Điệu Tứ Tượng:

Ngũ chi:

Nghe thấy bắt động tình
Dân dưới phép tụng đình
Nước dưới phép đao binh
Nhà dưới phép luật hình!
Còn chi hai chữ thái bình,
Ngửa nghiêng chín bệ, gập ghình ba châu!
Non sông nhuộm một màu sầu
Nền Giao cỏ loáng, sân chầu rêu phong!

Tứ tượng:

Dân chẳng hiệp đồng
Quan chẳng vị công,
Vua chẳng phải dòng!
Về đông hết kế Tử Phòng,
Đoạt binh thơ chẳng Trương Tòng mưu mô?
Tiếc thay một gánh cơ đồ
Xa thơ khuất dấu, ngọn cờ biệt tăm!
Nòi anh hùng đó!
Cơ nghiệp hỏi ai nào?

IV- Điệu Bát Quái:

Cửu lưu:

Cũng xương cũng thịt, cũng khí cũng huyết Nam
Cũng văn cũng pháp, cũng phong cũng tục Nam
Cũng xã tắc cũng triều đình của nhà Nam.
Ngôi thiêng đã lấm gót phàm
Kẻ chăn dân lại ra làm con buôn!
Dân như cá nước gà chuồng
Tiếng oan trăm họ, trơ buồn ngậm than!

Bát Quái*:*

Quốc dân nghèo nàn, dân khó mở mang,
Lăng điện phá hoại, văn miếu bỏ hoang,
Từ quân lánh mặt, hồn nước điêu tàn!
Gặp cơn xúi ác dục loàn,
Người ngay lánh dạng, đứa gian khoe mình!
Tỉ như một lủ bù nhìn,
Cân đai một vẻ, thân hình một nơi!

Hội Thánh Đa Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh Trần Thái Chân

V- Điệu Tam Tài: *(biến hóa vô cùng)*
Tứ thời:
Ấy cũng gọi đời
Nhân vật khác vời
Vị chữ kim thời
Phong dời tục đổi!
1- Nông:
Điền viên đất nổi nên vàng
Hoằng vai nông chịu muôn ngàn thuế sưu
Trọn năm luống phận cần cù
Khôn nuôi thê tử, khôn bù thân sinh!
Tam Tài:
Nhỏ tùng đinh
Lớn tùng binh
Già nằm canh!
Mảnh tơi còn phận chưa lành
Máu đưa quan nuốt, mỡ giành làng ăn
Thân trâu phải chịu nhọc nhằn
Đòn roi lão mục, tiếng dằn thằng chăn!
Phải tùy mưa nắng
Giỏi dắn day dù!
VI- Điệu Ngũ Hành:
2- Công*:*
Một thổ võ xưa kia nên tuấn tú
Bị tay phàm làm xấu nét phong quan!
Ôi!. Thương thay cho cẩm tú giang san!
Đầy sông nghi ngút khói thuyền
Đầu non sóng ngữ, dưới triền gươm đoanh,
Công dân đắp lũy bồi thành,
Tay mình lại cột lấy mình thảm thay!
Ngũ Hành*:*
Nỗi lương tháng bổng ngày
Nỗi tiền hỏi bạc vay
Nỗi trả thuế đóng bài!
Thợ hay dầu đủ đức tài
Giũa đêm không đủ, bào ngày không kham
Miệng ăn quá sức tay làm
Thê nhi thiếu kém, thân phàm chẳng no!
VII - Điệu Cửu Thiên :
3- Thương:
Lưỡng khí:
Cũng trò,
Lợi bỏ,
Không lo,
Cướp to,
Giựt nhỏ!
Trường thương lấp ló ít người
Nơi tay dị chủng, như trời nắng mưa
Quốc dân ăn thải uống thừa
Khôn ngăn bán lậu, khôn ngừa buôn gian!
Cửu Thiên:
Cửa Sài gòn tính bán, áp chế nội hàng
Gạo bắp chở ngoại bang, giành phần xuất cảng!
Dùng mưu phản gián Nam bang
Đoạt thâu cho sạch vàng ngàn bạc muôn
Nọc ăn máu, nước thúi ruồng
Khô khan Lạc khí, hao màn Hồng tinh!
Tính toán vốn lời, mình đành chịu
Hàm thinh e lỗ vốn!
VIII- Điệu Thâp Điện Diêm Cung:
4- Sĩ :
Thập nhị thòi:
Kià quan viên chức sắc bôn chôn, ấy lũ dại học khôn!
Nọ binh lính tổng làng chộn rộn, cũng là ngu ăn bẩn,
Mua phẩm hàm tước hộ cầu tôn, tiền ngàn không sợ tốn!
Cửa công huyện mãn nha còn
Dạ thưa lưỡi mỏi, cúi lòn lưng cong.
Lằng xanh ưa ngửi mùi đồng
Ham thân nô lệ, mến vòng tôi con!
Thập Điện Diêm Cung:
Lớp lương tháng chẳng còn, nỗi vợ con ươn yếu,
Rủi phải cơn túng thiếu, chịu người níu kẻ đòi.
Đã quen tiếng buộc lời lơi
Gian ra làm phải, lỗi dời thành ngay
Dày công đếm sồ mề đay
Mực văng nhuộm tánh, viết mài tiêu tâm!
a- Ngư :
Tam Bửu*:*
Có chi ham,
Nguồn nước cấm,
Thủy lợi thâu,
Chiếc thuyền câu,
Ra thủ phận
Nghề xưa hạ bạc đã nhàm
Nay dân đói khó, ra làm không no
Lúc giăng lưới, khi đóng nò
Mãn lo tàu chặt, nhẫn dò bè trôi!
Tam Bửu:
Cá chê mồi
Bởi quen nuôi
Khôn tránh lưới!
Nào khi nguyệt giỡn sóng cười
Thú bay mặt nước, chơn trời ngửa nghiêng!
Kinh luân dứt nối khó truyền
Gãy câu Trương Tử, đắm thuyền Ngu Công.
Song cũng vẫn một lòng!
b- Tiều:
Ngũ Hành:
Thân đói khô như nhộng
Hỏi ăn chi đặng sống?
Rằng hớp khí thanh không!

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đông Tân Thái Chân

Đồng Tân

Lánh thân khóm bá rừng tòng
Tiều chưa thoát khỏi ra vòng tôi con
Cây ăn lưỡi búa đã mòn
Rừng hao hết củi, nồi còn không cơm!
Ngũ Hành:
Lão lục ngó lườm lườm
Chú săn đưa khẩu súng
Non xanh vắng gót anh hùng
Bỏ cơn Võ Kiệt, lánh vòng Văn Vương!
Thành Thang muôn mặt lưới trương
Biết thân cầm thú kiếm đường cao sâu!
Nạn củi quế gạo châu,
Thiên sầu địa thảm!

• Ngũ Chi Đại Đạo

Les 5 branches de la Grande Voie[F] - *The 5 branchs of the Great Way*[A] - 五支大道 - Trong buổi đàn cơ ngày 24 tháng 4 năm 1926, Đức Cao Đài có dạy cho các nhà khai cơ Phổ Độ *(Ông Lê văn Trung và nhóm phò loan)* như sau: *"Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy Chánh giáo là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì nhân loại duy có hành đạo tại tư phương mình mà thôi...". (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Tây Ninh xuất bản- quyển I - trang 18).* Theo tinh thần cứu độ kỳ ba Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài đã cho thấy rõ các Chánh pháp Ngài đã ban truyền vào hai kỳ trước Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ đã tiếp diễn như thế nào thì nay, Ngài cũng chỉ ban truyền cũng một Chánh pháp cứu độ ấy, nhưng bao quát và thích nghi với cuộc sống toàn cầu hóa hiện nay. Do đó, Ngũ chi Đại Đại gồm các chi như sau: Nhơn đạo gồm các cựu giáo từ trước và sau Khổng giáo hoặc đã chịu ảnh hưởng từ Khổng giáo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo cũng gồm các cựu giáo từ trước và sau vị Giáo chủ hoặc chịu ảnh hưởng từ nguồn đạo ấy mà ra. Sự dung hợp Ngũ chi làm một như thế gọi là Ngũ chi phục nhứt* - chứ không thể hiệp nhứt - trong tôn chỉ của Tam Kỳ Phổ Độ không có nghĩa là tạo nên một mối Đạo đứng trên Ngũ chi mà là sự nối tiếp trong thời gian và sự chuyển hóa trong không gian cho thích nghi với trình độ nhân sinh hiện đại. Nó cũng thể hiện tính bao quát theo môi trường cứu độ và uyển chuyển theo mức tín ngưỡng mới của thế nhân - khi tất cả mọi người xem nhau như là công dân quốc tế - chứ không phải mang tính chủ đạo toàn diện như trò chính trị cục bộ ngày nay mà chỉ theo nhu cầu của cuộc sống chung. Cho nên danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* chỉ có nghĩa đơn thuần là một tôn giáo tổng hợp mới phát khai kỳ ba cứu độ chúng sanh toàn cầu tiếp nối các cựu giáo đã qua từng địa phương trong quá khứ như Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ đã có trong lịch sử nhân loại. Xem Ngũ chi Phục nhứt*.

• Ngũ Chi Minh Đạo

Les 5 branches du Minh Đạo[F] - *The 5 branchs of Minh Đạo*[A] - 五支明道 - Năm nhóm tu đã có tại miền Nam Việt Nam trước khi có Cao Đài giáo bắt đầu bằng chữ Minh vào đầu thế kỷ XX đã góp ít nhiều phần căn bản cho nền đạo mới vào thời buổi sơ khai, tuy không phải là chánh pháp thuộc phần Vô Vi như đức Ngô Minh Chiêu đã được Đức Cao Đài truyền dạy trực tiếp từ trước. Dù sao, về phần Phổ Độ, Ngũ chi Minh Đạo đã đóng góp vào giai đoạn ban đầu cho nền đạo mới gồm các chi tiết được kể như sau: Minh Sư với các bài Kinh nhựt tụng Tam giáo bửu cáo *(Thích giáo, Tiên giáo, Nho giáo)* và các bài tịnh khẩu, tịnh tâm. Minh Thiện với cơ bút ban đầu nơi nhóm phò loan. Minh Lý với các bài kinh chữ nôm bài kinh sám hối, Minh Tân với sự góp sức đầu tiên của quí ông Lê minh Khá, Vương quan Kỳ và Minh Đường với sự đóng góp tích cực ban đầu của ông Lê văn Lịch *(ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt năm 1926).*

• Ngũ chi phục nhứt

Unification des 5 branches[F] - *Unification of the 5 branchs*[A] - 五支復一 Đây cũng là một tôn g chỉ của Cao Đài giáo gắn liền với Tam giáo qui nguyên* do Vô hình đã dạy thời sơ khai- Sự phục hồi yếu lý Ngũ Chi Đại Đạo* đưa ra một căn bản cho sự phục nhứt sau này. Thánh ngôn ngày 24 tháng 4 năm 1926 còn dạy tiếp: *"..Vốn từ trước Thầy lập ra ngũ chi*

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Thần Thái Chân

Đại Đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo tùy thro phong hóa của nhân loại mà gầy Chánh giáo là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt thì nhơn loại duy có hành đạo tại tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhân loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều các đạo ấy mà nhân loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa trước Thầy lại giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh giáo mà làm ra phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn hằng thấy gần trót năm ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi mạt kiếp chốn A Tỳ ***Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con chẳng chịu giao Chánh giáo cho tay phàm nữa.....****". (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Tây Ninh xuất bản-tập I).* Như vậy, trong cõi Vô hình không còn sự tranh chấp phân biệt như ở thế gian và Đấng Thượng Đế Chúa Tể Vũ Trụ không cần phải có một Thánh địa riêng nào mà các hàng giáo phẩm luôn luôn giữ thế thượng phong cho mình nên đã sinh ra bao nhiêu thảm trạng đấu tranh đầy sắt máu. Qua bộ phận thông công bằng cơ bút, Cao Đài giáo đã tiếp nhận sự đóng góp phần xây dựng tốt đẹp cho sự cứu độ chúng sanh một cách vô tư và nhiệt tình cho thấy cảnh đại đồng vô biệt* tại thế gian vốn là phần thể hiện của thế giới vô hình, không có phân biệt giới tính, chủng tộc hay đẳng cấp nào cả. Cho nên, trên điện thờ của Cao Đài giáo, ngoài Ngũ giáo Thánh Nhân *(Thích Ca-Phật đạo, Lão Tử-Tiên đạo, Jésus-Thánh đạo và Khổng Tử-Thần đạo, Nhơn đạo),* còn có Tam Trấn *(Lý Thái Bạch*-Đạo giáo, Quan Âm-Thích giáo và Quan Thánh-Nho giáo).* Như vậy, Đức Cao Đài đã thể hiện sư qui nguyên tam giáo, phục nhứt ngũ chi một cách mầu nhiệm đầy trang nghiêm và thiêng liêng nhất về mặt tín ngưỡng nội tại hơn cả lý thuyết ngoại quan giáo điều. Như thế, tính đại đồng *"đồng qui nhi thù đồ"* theo tinh thần Đạo học Đông phương đã được minh chứng trong Cao Đài giáo không chối cải. Cũng nên chú ý rằng Ngũ chi phục nhứt chứ không phải *Ngũ chi hiệp nhứt* như một số môn đồ đã thể hiện vì đây là một sự phục hồi từ một Bản Thể Hư Vô của Thượng Đế được phân phối ra theo nhu cầu của thời gian và không gian thì nay cũng vì nhu cầu đó mà phục hồi lại như buổi khai nguyên, chứ không phải là một sự qui hiệp những thành phần mang tính cục bộ bất nhứt như hiện trạng các cựu giáo đã bày ra do các môn đồ - dù tự xưng là Thánh nhân - tạo nên các loại kinh điển cũng không ra ngoài tính phàm giáo do ngũ quan con người mà ra. Cho nên, Cao Đài giáo với danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ quả là một nhu cầu tổng hợp bao quát cho sự cứu độ Kỳ Ba vào buổi Hạ nguơn mạt pháp này có thể xem như một cuộc Cách mạng tôn giáo với ý nghĩa thay vào các cựu giáo một Tân giáo thích nghi cho cả đại cuộc nhân loại toàn thế giới mà nền tảng xuất phát từ truyền thống Đạo học tức là sự trở về Một tức là cái Đạo - đã có trong truyền kỳ lịch sử nhân loại chứ không phải chỉ là lý thuyết suông vậy.

• Ngũ Đế

Les 5 Empereurs de Chine[F] - The 5 emperors of China[A] - 五帝 - Năm vị vua Trung Hoa còn để lại công nghiệp cho đời sau theo truyền thuyết vào thời Thượng Cổ *(3000 năm trước Tây lịch)* là: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. Có sách kể là Thái Hiệu, Hoàng Đế, Thần Nông, Thiếu Hiệu, Chuyên Húc.

• ngũ giới cấm

Les 5 interdictions[F] - The 5 interdits[A] - 五戒禁 - Năm điều răn cấm đã có từ Phật giáo: 1- cấm sát sanh, 2- cấm trộm cướp, 3- cấm tà dâm, 4- cấm tửu nhục, 5- cấm dối trá. Bắt đầu tu học theo Cao Đài giáo hạ thừa phải có ngũ giới cấm này. Nhưng uyển chuyển theo hoàn cảnh cho thích nghi hơn, như người công dân phải tòng quân cứu nước chứ không vì giới sát sanh mà trốn quân dịch, cũng như con rắn tới cắn mình mà tụng niệm không giết thì chỉ gây sự thiệt hại cho mình thôi, chứ Thần minh không bắt buộc gì hết. Nói chung thì còn mang xác phàm là còn những đòi hỏi cần thiết và hợp lý miễn đừng quá độ và vô kỷ

luật luân thường thì ngũ giới cấm là để ngăn ngừa sự đam mê bất hợp pháp làm con người không còn giữ được sự tinh khiết của thân tâm vốn là môi trường thích nghi cho việc tấn hóa con người hơn là những răn đe hình phạt nào cho thế nhân cả. Cho nên, đức Thích Ca còn để lại lời khuyên: *"Con đường trung đạo là không quá khắc kỷ cũng không quá hoang dâm"* cho mọi người cần sự tu học là một chân lý bất khả tư nghị vậy.

• Ngũ hành

Les 5 éléments primaires[F] - The 5 primary elements[A] - Năm chất căn bản có trong vũ trụ là: kim *(khoáng chất)*, mộc *(cây gỗ)*, thủy *(nước)*, hỏa *(lửa)*, thổ *(đất)* do Nho giáo phát huy trong Kinh Dịch, Ngũ hành Hồng Phạm*.

• Ngũ hành Hồng Phạm

五行洪範 - Trong Hồng Phạm Cửu Trù của Nho giáo, triết lý Thiên Nhân Hiệp Nhứt hay Vạn Vật Nhất Thể được thể hiện rõ rệt ở trù thứ nhứt là Ngũ hành*: *"Sơ nhất viết Ngũ hành: nhất viết thủy, nhị viết hỏa, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ. Thủy nhuận hạ, Hỏa viêm thượng, Mộc khúc trực, Kim tòng cách, Thổ viết giá sắc. Nhuận hạ tắc hàm, viêm thượng tắc khổ, khúc trực tắc toan, tòng cách tắc tân, giá sắc tắc cam " (Dịch nghĩa: Thứ nhứt nói về Ngũ Hành: một là nước, hai là lửa, ba là gỗ, bốn là kim, năm là đất. Nước thì thấm xuống, lửa thì bốc lên, gỗ thì cong và thẳng, kim thì thay đổi, đất thì có công dụng. Năm đặc tính này sinh ra vị mặn (hàm), đắng (khổ), chua (toan), cay (tân), ngọt (cam). Đó là tất cả sự thể hiện của trời đất cũng như nơi con người, cùng một thể mà sinh ra vậy).*

• Ngũ hương

Les 5 bâtonnets d'encens[F] - The 5 incenses sticks[A] - 五香 - Lư hương nơi Thiên Bàn thường được thắp năm cây nhang gọi là Ngũ hương, chỉ 5 trình độ trong 5 đợt tiến hóa của người tu học là: 1- giới hương *(giữ qui giới)*, 2- định hương *(tịnh tâm)*, 3- huệ hương *(được sáng suốt)*, 4- tri kiến hương *(thấy biết mọi sự)*, 5- giải thoát hương *(được giải thoát)*. Bởi lư hương là trọng tâm của sự tu học nên từ đức Ngô Minh Chiêu đã đặt lư hương vào giữa bàn thờ* *(trong ý nghĩa thờ Trời cũng là thờ Người)* tại Phú Quốc năm 1921 đến khi ngài về Sài Gòn truyền qua ông Vương quan Kỳ *(năm 1924)*, rồi qua ông Đoàn văn Bản* *(Tiểu Thánh Thất Cầu Kho- năm 1925 đầu 1926)* và vẫn còn giữ nguyên trong phần Vô Vi. Đến tháng 4 năm 1926, ông Lê văn Trung và nhóm phò loan* tách ra khỏi đức Ngô và theo tìm *"học đạo"* nơi Vĩnh Nguyên Tự với ông Lê văn Lịch *(Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt)* thì sự thờ phụng hành lễ đều do ông này canh cải theo Minh Đường, lư hương đặt phía trước ở giữa ngay hàng với hai cây đèn hai bên. Sự thể đã khiến cho phần Phổ Độ đã theo nghi thức Minh Đường, cả Thánh Thất Cầu Kho nay là Nam Thành Thánh Thất cũng thế mà không ai thắc mắc sự khác biệt này giữa hai phần Vô Vi và Phổ Độ trong cùng một Chánh pháp Cao Đài.

• Ngũ Khí triều nguơn

Les 5 Fluides convergées dans le coeur[F] - The 5 Fluids converging to the heart[A] - 五氣朝元 - Năm làn thanh khí của trời đất tạo ra 5 chất *(Ngũ Hành*)*. Theo bí pháp* luyện đạo, các khí này biểu thị năm vị vương ở trung tâm và bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Khi người tu tịnh luyện đúng theo pháp môn thì các vị ấy qui tụ lại tạo sự biến hóa trong vũ trụ với số lũy thừa bậc 5 như từ 5 thành 25, thành 125... cho đến vô cùng.

• Ngũ Kinh

Les 5 Livres canoniques[F] - The 5 Confuceen classics[A] - 五經 - Vốn trong Nho học thời xưa gọi lục kinh là: Kinh Thi*, Kinh Thư*, Kinh Lễ*, Kinh Nhạc, Kinh Dịch*, Kinh Xuân Thu*, về sau chỉ còn 5 kinh không có Kinh Nhạc.

• Ngũ kỹ Hồng Phạm

五紀洪範 - Trong Hồng Phạm Cửu Trù của Lạc Thư* do vua Vũ nhà Hạ phát hiện có Hồng Phạm Cửu Trù* trong đó có Ngũ kỹ là: 1- Tuế *(năm)*, 2- Nguyệt *(tháng)*, 3- Nhật *(ngày)*, 4- Tinh thần *(các vì sao)*, 5- Lịch số. Năm điều kiện này thể hiện cho trật tự thiên

nhiên trong cuộc sống quốc gia.

• Ngũ Lôi

Les 5 Esprits de Tonnerre[F] *- The 5 Thunder Spirits*[A] - 五雷 - Người Việt thường dùng để chỉ vị Thần tạo nên sấm chớp với mục đích hình phạt một kẻ tội phạm nào tại thế gian mà không bị pháp luật xử. Nhưng về phần thiêng liêng thì sự hiện diện Ngũ Lôi là một thực tại mà buổi khai cơ Phổ Độ, khi ban phẩm vị cho các nhà lãnh đạo bắt đầu từ ông Lê văn Trung đã có lịnh thiết bàn Ngũ Lôi để cho chư vị chức sắc đến tuyên thệ trước khi nhậm chức. Sự kiện này hoàn toàn không có trong phần Vô Vi. Như vậy, Ngũ Lôi là một vị Thần linh có nhiệm vụ đối với hàng giáo phẩm lớn nhỏ để giữ cho họ đừng quên nhiệm vụ và phải giữ đức hạnh mình trong bất kỳ một việc làm nào. Trong khi đó thì Hộ Pháp là người cầm đầu cơ quan tư pháp Hiệp Thiên Đài về mặt hữu hình cũng có phần hành trách nhiệm về việc gìn giữ luật đạo, cho nên vai trò Hộ Pháp không khác Ngũ Lôi trong sứ mạng giữ đúng chánh pháp nơi chức sắc là những người thi hành đạo pháp. Vì thế nên ngày 23 tháng 4 năm 1926, khi sắp đặt Thiên phong lần đầu tiên giao phó trách nhiệm phổ độ, Đức Cao Đài đã ban lịnh cho các chức sắc phải có lời thề nguyện trước bàn Ngũ Lôi và sau đó là bàn Hộ Pháp. Trong khi đó thì tín đồ chỉ có lời thề trước bàn Ngũ Lôi mà thôi. Một diệu dụng của Đức Cao Đài cho thấy Hộ Pháp ngự trên bàn để chức sắc đến thề thật sự là vị Thần vô hình, mà chức vụ Hộ Pháp của ông Phạm công Tắc chỉ có phần hành về cơ quan Hiệp Thiên Đài trong sứ mạng phải giữ gìn luật pháp đơn thuần mà thôi. Sự kiện cho thấy rõ là ngay khi lên bàn đứng ông Tắc với bộ Âu phục như người thường và trước khi các chức sắc đến thề, Đức Cao Đài đã trục thần ông ra, như thế cũng có nghĩa ông Tắc chỉ là một đồng tử để cho vị Hộ Pháp vô hình nhập vào. Bởi nếu thật sự ông chứng giám lời thề của các chức sắc mà lại trục thần của ông ra thì ông lấy đâu mà chứng giám lời thề được. Cho nên, người tín đồ Cao Đài phải nhận định sự kiện này bởi chức vụ Hộ Pháp không phải dễ, tự bản thân mình chưa chắc đã xong, mà việc xử phạt *"đọa tam đồ bất năng thoát tục"* như trong lời thề trước mặt ông - nếu ông còn tại thế - thì chỉ là một cuộc trình diễn cho biết vai trò Hộ Pháp chỉ có thể thực hiện nơi một Chơn Linh Hộ Pháp đắc đạo với sứ mạng đã giao mới được. Thái độ ông Phạm công Tắc ở Tây Ninh giành quyền độc tôn Hộ Pháp trong Cao Đài giáo là một thái độ mang tính phàm giáo của cựu giáo không thể chấp nhận được.

• ngũ minh

Les 5 éclaircissements[F] *- The 5 expianations*[A] - 五明 - Sách Phật gọi ngũ minh là năm điều kiện cho người tự giác giác tha gồm: 1- nội minh *(học hiểu sáng suốt giáo lý của nhà Phật),* 2- nhân minh *(diễn giải rành mạch giáo lý),* 3- công tác minh *(học tập khéo léo những công kỹ nghệ),* 4- y phương minh *(nghe hiểu thông suốt các phương thuốc chữa bệnh),* 5- thanh minh *(hiểu biết tất cả tiếng nói).*

• ngũ nguyện

Les 5 voeux[F] *- The 5 vows*[A] - 五願 - Trong phần Phổ Độ, người tu học sau mỗi lần cúng lễ phải niệm ngũ nguyện: nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhì nguyện phổ độ chúng sanh, tam nguyện xá tội đệ tử, tứ nguyện thiên hạ thái bình, ngũ nguyện Thánh Thất *(gia trạch)* an ninh. Nếu là cúng vong thì ngũ nguyện vong giả siêu sinh. Trong phần Vô Vi cũng có ngũ nguyện trong đó có câu: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ *(không phổ biến).*

• Ngũ Nương

5è Fée[F] *- 5th Fairy*[A] - 五娘 - Vị Nữ Tiên thứ 5 trong hàng Cửu vị Tiên Nương ở Diêu Trì Cung, tên Việt Nam là Liễu.

• Ngũ phúc Hồng Phạm

五富洪範 - Trong Hồng Phạm Cửu Trù* của Nho giáo cuối cùng số 9 chỉ sự thưởng phạt có Ngũ phúc Lục cực như sau: Ngũ phúc: nhứt viết thọ *(một là sống lâu)*, nhị viết phú *(hai là giàu có),* tam viết khang ninh *(ba là thịnh vượng yên ổn),* tứ viết du hiếu đức *(bốn*

là vui vẻ yêu chuộng đạo đức), ngũ viết khảo chung mệnh *(năm là hoàn toàn được thuận mệnh).* Lục cực: Nhất viết hung đoản triết *(một là hung hoạ chết non),* nhị viết tật *(hai là tật bệnh),* tam viết ưu *(ba là lo sợ),* tứ viết du hiếu đức *(bốn là vui vẻ yêu chuộng đạo đức),* ngũ viết khảo chung mệnh *(năm là hoàn toàn được thuận mệnh).* Lục cực: Nhất viết hung đoản triết *(một là hung hoạ chết non),* nhị viết tật *(hai là tật bệnh),* tam viết ưu *(ba là lo sợ),* tứ viết bần *(bốn là nghèo nàn),* ngũ viết ác *(năm là tai ách),* lục viết nhược *(sáu là yếu đuối).*

• Ngũ phương

Les 5 directions[F] *- The 5 direction*[A] - 五方 - Năm hướng trên mặt đất: Đông Tây Nam Bắc và Trung ương.

• ngũ sự

Les 5 cultes[F] *- The 5 cults*[A] - 五事 - Theo truyền thống Đông phương, ảnh hưởng Đa Thần có sự thờ cúng ở năm chỗ: cửa, ngõ, giếng, bếp và giữa nhà, thường thấy nơi các dân tộc Á châu thời xưa nhất là Trung Hoa.

• Ngũ sự Hồng Phạm

五事洪範 - Trong Hồng Phạm Cửu Trù* của Nho giáo, thứ hai của Cửu Trù là Ngũ sự chỉ 5 hành vi có tính cách thuận theo Thiên lý mà đạt vị Thánh: *"Nhất viết mạo, nhị viết ngôn, tam viết thị, tứ viết thính, ngũ viết tư. Mạo viết cung, ngôn viết tùng, thị viết minh, thính viết thông, tư viết duệ. Cung tác túc, tùng tác nghệ, minh tác triết, thông tác mưu, duệ tác Thánh". (Dịch nghĩa: Một là giáng điệu, hai là lời nói, ba là trông nhìn, bốn là nghe, năm là nghĩ ngợi. Giáng điệu nên kính cẩn, lời nói nên thuận thảo, nhìn ngắm nên sáng suốt, nghe ngóng nên rõ ràng, nghĩ ngợi nên thấu suốt. Kính cẩn sinh nghiêm chỉnh thuận thảo sinh giỏi dang, sáng suốt sinh tinh khôn, rõ ràng sinh mưu kế, thấu suốt tạo nên Thánh).*

• Ngũ tánh pháp

五性法 - Phật giáo chủ trương thuyết Ngũ tánh pháp trong Pháp Tướng tông* : 1- Bồ tát định tánh tức là động cơ quyết định thành Phật, 2- Duyên giác định tánh, 3- Thanh văn định tánh, hai tánh này ngừng lại ở chỗ A La Hán* không thành Phật được, 4- Bất định tánh, do tánh này mà hoặc thành Phật, nếu không thì thành Thanh văn thừa hay Duyên giác thừa quả vị, 5- Vô tánh hữu tình: không thành chi cả mà phải chịu luân hồi sinh tử. Đại thừa Phật giáo phản đối thuyết này vì cho rằng *"nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh".*

• Ngũ thừa

Les 5 véhicules[F] *- The 5 vehicles*[A] - 五乘 - Pháp môn tu học của Phật giáo Đại thừa được chia làm năm thừa *(là 5 cõi)* hay năm thăng *(là 5 cổ xe).* Mỗi thừa có thể coi như một đoạn đường đi đến một kết quả. Mỗi đoạn như vậy theo thứ bậc từ dễ đến khó lại chia làm hai cấp: cấp thấp gọi là Thế gian thừa gồm Nhân thừa và Thiên thừa, cấp cao hơn gọi là Xuất thế gian thừa gồm Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa*. Nhân thừa là bậc tu kết quả sanh lại cõi người hưởng phước. Thiên thừa đạt kết quả sinh vào cõi trời *(?)* hưởng phước. Thanh văn thừa đạt kết quả chứng vị A La Hán * không còn luân hồi. Duyên giác thừa hay Độc giác thừa chứng quả Duyên giác hay Bích Chi Phật, không còn luân hồi. Bồ Tát thừa kết quả thành Đại Bồ Tát* rồi thành Phật. Ba thừa sau này còn gọi là ba giai đoạn của một thừa duy nhất gọi là Phật thừa trong đó hai thừa Thanh văn và Duyên giác gọi là Tiểu thừa còn Bồ Tát thừa gọi là Đại thừa.

• Ngũ thường

Les 5 relations cardinales[F] *- The 5 cardinal virtues*[A] - 五常 - Nho giáo gọi ngũ thường gồm năm đức tính của con người đạo đức phải có. Đó là nhân*, nghĩa*, lễ*, trí*, tín*.

• ngũ trược

les 5 impuretés[F] *- the 5 impurities*[A] - 五濁 - Phật gọi ngũ trược là năm bẩn gồm kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược và mạng trược. Kiếp trược: Nhà Phật gọi kiếp là thời gian dài chia ra làm ba: tiểu kiếp, trung kiếp và đại kiếp và gán cho nó những con số

từ 10 triệu năm đến hàng tỉ năm trong đó có tăng giảm gì gì nữa gọi chung bằng cái tên là a tăng tì kiếp. Cứ mỗi lần giảm kiếp thì sinh ra năm thứ trược tức là năm điều làm cho mê muội. Kiếp trược gồm có năm lợi sử và năm độn sử quay vòng chung quanh sự chấp có chấp không làm cho con người đi vào tà kiến. Phiền não trược gồm năm độn sử làm cho con người ra vào sanh tử tạo ra tham sân si ái mạn tạo nên tai hoạ. Chúng sanh trược: chúng sanh hèn hạ thô bỉ, luân hồi lục đạo, chịu đủ các thứ khổ nên gọi là trược. Mạng trược: Con người hiện nay đang ở trong thời giảm kiếp nên sống không đầy trăm tuổi cho nên gọi là trược.

• ngũ uẩn

Akandha[P] - ĨãÌN - Năm cái thuộc tính của vật có tri thức. Đó là sắc *(rupa)* tức là sắc tướng, thọ *(vedanta)* tức là tri giác, tưởng *(sanjna)* tức là ý thức, hành *(karma hay samakara)* tức là hành động và thức *(vijnana)* tức là nhận thức. Phật giáo gọi con người là vật có tri thức nên có ngũ uẩn. Vì nghiệp tạo nên khi còn sống cho nên khi con người chết rồi, ngũ uẩn kết hợp lại cách khác và sinh ở thế giới khác. Bởi thế mới có luân hồi. Như vậy thì cái nghiệp kia cũng thay đổi theo thì con người kiếp này và con người kiếp khác có liên hệ gì nhau đâu, thì luân hồi cái gì vậy?!

• Ngũ vị

五味 - Pháp Tướng tông* Phật giáo có thuyết ngũ vị: 1- Tâm vương là chân tướng của tri thức. Tri thức có 8 mà a lại da* thức là căn bản còn 7 thức kia là biến tướng của a lại da* thức, 2- Tâm sở là sự phân biệt tác dụng của tri thức, 3- Sắc pháp *(tức là vật tướng)* là do tri giác của tâm pháp nhận thức được ra nó, không dựa vào tâm pháp thì sắc pháp không thể tồn tại, 4- Bất tương ứng pháp do sự quan hệ giữa tâm pháp và sắc pháp mà thành, 5- Vô vi là một cách quan sát bản thể của chân như. Chân như là chỗ dựa của thức. Như thế thì chân như là gì?!

• ngũ vị tân

Les 5 excitants[F] *- The 5 stimulants*[A] - 五味辛 - Năm chất rau kích thích mà người ăn chay không dùng: hành, hẹ, nén, tỏi, dấp cá. Người tu Vô Vi tuyệt đối không dùng ngũ vị tân dù không phạm giới sát sanh.

• Nguơn

Ère[F] *- Era*[A] - 元- Cũng một từ Trung Hoa nguyên nhưng có khi người Việt phát âm là nguơn. Sách Hoàng cực kinh thế chia ra từng thế* có 30 năm, 12 thế là một vận*, 30 vận là một hội* và 12 hội là một nguyên hay nguơn tức là 30x12x30x12 = 129.600 năm *(theo Thiều Chửu - Hán Việt tự điển).*

• Nguơn điêu tàn

Ère de destruction[F] *- Era of destruction*[A] - 元凋殘 - Thời đại mà thế giới loài người đi vào cơ tận diệt về thể chất cũng như tinh thần. Phật gọi thời Mạt kiếp, Chúa gọi ngày Tận thế. Cao Đài giáo gọi Nguơn điêu tàn cũng nghĩa ấy.

• Nguơn Khí

Le Souffle[F] *- The Breath*[A] - 元氣 - Chỉ phần hơi thở đượm nhuần nuôi sống con người, một trong ba báu cần cho sự tu luyện ứng với một trong ba báu nơi trời là mặt trăng, ứng với một trong ba báu nơi đất là lửa.

• Nguơn Thần

Saint Esprit[F] - *Spirit*[A] - 元神 - Phần bẩm sinh của con người đã lãnh hội từ buổi sơ khai, bàng bạc trong cơ thể nơi những thành phần chủ động cuộc sinh hóa như tinh khí. Cho nên, người tu luyện đạo phải có phép luyện tinh, hóa khí mới huờn thầu *(đạt được nguơn thần) mới* đạt đạo nhiệm mầu. Một trong ba báu nơi người, ứng với một trong ba báu nơi trời là tinh tú, ứng với một trong ba báu nơi đất là gió.

• Nguơn Thiên mạo

元天帽 - Mão đạo phục của Giáo Hữu.

• Nguơn thượng đức

Ère de régénération[F] - *Era of regeneration*[A] - 元上德 - Thời đại con người còn giữ được bản tính thiêng liêng, chỉ biết quí trọng đạo đức, không bị mờ tối bởi vật dục, điển hình

Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh

như thời Ngũ Đế* nước Trung Hoa thời Thượng Cổ mà lịch sử nhân loại còn nhắc đến.

• Nguơn thượng lực

Ère de force brutale[F] *- Era of brutish force*[A] - 元上力 - Đạo học Đông phương cho rằng thời Trung Cổ chú trọng bạo lực nên gọi là nguơn thượng lực, nhưng xét cho cùng thì nguơn này chạy dọc theo truyền kỳ lịch sử của nhân loại vào các thời kỳ phong kiến, thực dân cũng như cộng sản sau này.

• Nguơn thượng mưu

Ère d'expodient[F] *- Era of expodient*[A] - 元上謀 - Cũng Đạo học Đông phương cho rằng thời đại hiện thế thì con người dùng quyền mưu để trị lẫn nhau nên gọi là thượng mưu, nhưng thực tế thì quyền mưu thường đi đôi với bạo lực nên phải nói là hai nguơn này đi song hành nhau nên cũng là một.

• Nguơn Tinh

Sperme[F] - *Sperm*[A] - 元精- Một trong ba báu cần cho sự bảo tồn sinh vật, cũng cần cho sự tu luyện nơi con người, ứng với một trong ba báu nơi trời là mặt trời, ứng với một trong ba báu nơi đất là nước.

• ngụy biện

sophisme[F] - *sophism*[A] - 偽辯 - Lý luận sai lầm với ý đồ dẫn đến sự lầm lỗi *(cần phân biệt khi mà lý luận sai lầm không do ý muốn)*. Ngụy biện thuyết hay trường phái ngụy biện đã có vào thời Thượng Cổ Hy Lạp là trường phái Protagoras và Sorgias. Trường phái này giảng dạy môn nghị luận hiện nay, nhưng đặc biệt chỉ trong nghệ thuật lý luận xảo trá điêu ngoa. Socrate là triết gia nổi tiếng chống lại bọn ngụy biện đương thời.

• nguyên

xem nguơn*.

• nguyên hồn

âme originelle[F] *- original soul*[A] - 元魂 - Linh hồn được thành hình nơi con người từ buổi khai nguyên còn trong trạng thái vô nhiễm hay vẫn trong thể xác con người dù đã trải qua nhiều kiếp.

• Nguyên Khí Tự Nhiên

Le 1er Cosmos de la Nature naturée[F] *- The 1st Cosmos* [A] - 元氣自然 - Phần ứng hiện vào giai đoạn thứ nhì trong sự thành hình vũ trụ, từ đó phối hợp với Nguyên Lý Thiên nhiên* để hình thành Vũ trụ Vạn vật.

• Nguyên Lý Thiên Nhiên

Le 1er Logos de la Nature naturante[F] *- The 1st Logos* [A] -元理天然 - Phần ứng hiện đầu tiên trong sự hình thành Vũ trụ. Đây là nguyên lý Thái Cực của Vũ trụ quan Nho giáo *(Kinh Dịch*)*. Bản Thể Luận* gọi là Hữu Thể*.

• nguyên nhân

être primordial[F] - *created being*[A] - 原因 - Con người còn giữ được nguyên hồn* khác với hóa nhân* con người với hồn tiến hóa từ hồn thú vật mà nên.

• Nguyên Nhân đầu tiên

La Cause Primordiale[F] *- The First Cause*[A] - Nguồn gốc của mọi nguyên nhân cấu tạo vũ trụ vạn vật. Sách Phật nhìn nhận luật nhân quả đã có từ Bà La Môn giáo* hay đúng hơn là từ truyền thống Ấn Độ. Tuy nhiên, sách Thiền Luận của nhà sư Nhựt Daitsetz Teitaro Suzuki đã dẫn lời của Phật Thích Ca nói với môn đệ đầu tiên A Thuyết Thị *(Asyajit)* là *"Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên Nhân. Ngài cũng giải thích sự diệt trừ chúng..."* đã làm cho Xá Lợi Phất vốn chưa biết Phật đã thức tỉnh ngộ đạo, cũng từ lời của A Thuyết Thị mà các sư Ấn Độ và Trung Hoa lại dịch thành *"Các pháp nhân duyên sanh cũng do nhơn duyên diệt..."* thì thật là một sự sai lầm mang tính phàm giáo rõ rệt. Đạo Chúa thì mặc nhiên nhìn nhận Đức Jehovah hay Đức Allah* là Nguyên Nhân đầu tiên không chối cải. Nói chung, nhân loại Đông phương gọi là Thượng Đế, Tây phương gọi là Dieu hay God cũng hàm ý Đấng Tạo Công, Nguyên Nhân đầu tiên của Vũ trụ. Bản Thể Luận* gọi là Hữu Thể*. Chỉ có những người duy vật mà tầm mắt không quá tầm tay kia mới phủ nhận cái Nguyên Nhân mầu nhiệm này, hay có các

Hội Văn Hóa Cao Đài Chơn Truyền Tây Ninh

nhà sư hậu thuẫn một cách vô minh như các luận thuyết của họ đã làm sai lạc căn bản chánh pháp của đức Phật đi. *(Xem Thích Ca Mâu Ni*).*

• Nguyên Tiêu

元霄 - Một cảnh ở cõi Trung giới*.

• nguyên tử

atome[F] *- atom*[A] - 原子 - Phần nhỏ nhất của một tinh chất không thể phân tích được. Khoa học ngày nay khám phá rằng trong một nguyên tử gồm có ba thành phần: một cái nhân ở giữa cố định, quay chung quanh là những âm điện tử nên cái nhân gọi là dương điện tử, kết cấu chung không khác Thái Dương hệ. Giữa hai thành phần này còn có thành phần thứ ba gọi là trung hòa tử. Trong tất cả vật thể tùy theo chất lượng mà số âm điện tử nhiều hay ít khác nhau, nhưng lúc nào cũng quay quanh dương điện tử. Cho nên, vật thể tuy hình dáng bề ngoài xem như bất động mà thật sự bên trong đang hàm chứa những phần nhỏ nhất tế vi quay vòng trong trật tự thiên nhiên cố hữu. Và trong bất kỳ vật thể nào cũng gồm những nguyên tử với cấu trúc không khác nhau có khác gì những Thái dương hệ tế vi đã tạo nên thế giới vật chất. Nhưng trong mọi vật thể chỉ có con người với thể chất của họ - không đề cập đến linh hồn - là một mô hình trung gian giữa hai vũ trụ: một vũ trụ tế vi của nguyên tử và một vũ trụ bao la của tinh vân. Tầm hiểu biết này đã tạo hứng cảm cho tác giả với tác phẩm triết học đầu tiên Lý Thuyết Tổng Hợp* xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn trong đó con người được gọi là mẫu trung thực nhất của vũ trụ, thiết nghĩ đó cũng là đứa con tinh thần của thời đại nguyên tử này vậy.

• nguyên tử thuyết

atomisme[F] *- atomism*[A] - 原子說 - Chủ nghĩa triết học theo đó vật chất gồm các nguyên tử hợp thành. Lai lịch nguyên tử đi ngược dòng lịch sử thời Thượng Cổ Hy Lạp. Thuyết nguyên tử đã do nhà hiền triết Leucippe *(-460-370 trước Tây lịch)* nhưng nhất là do những khái niệm của người bạn mà chắc là môn đệ của ông là Démocrite *(-460-370 trước Tây lịch)* mà chúng ta mới được biết đến ngày nay. Démocrite đã đi đến kết luận rằng nếu người ta có thể phân chia một vật thể qua rất nhiều lần thì sẽ đến một lúc mà những thành phần nhỏ nhất nhận được thì không thể phân tích được nữa. Những vụn vi tế đó, ông gọi là nguyên tử *(có nghĩa là không phân chia được nữa cho ra bằng những hợp chất khác nhau những vật thể khác nhau)*. Đối lại với thuyết nguyên tử của Démocrite là thuyết của người đồng thời với ông là Empédocle, theo đó, tất cả vật chất đã được tạo thành bởi sự hỗn hợp của bốn thành phần: đất, nước, gió, lửa. Thuyết này được Aristote* chấp nhận mà tư tưởng đã biến thành gần như một giáo điều chủ trì suốt 5 thế kỷ để làm quên lảng các nhà nguyên tử học. Vào thế kỷ sau Démocrite, Épicure *(-341-270 trước Tây lịch)*, rồi Lucrèce *(-95-55 trước Tây lịch)* lại tạo nên một hình ảnh sinh vật của nguyên tử được xem như là mầm của sự vật *(germe des choses - semina rerum)*. Hai khái niệm tổng quát của nguyên tử, một có tính máy móc, cái kia có tính sinh vật *(hay tính động)* được tìm thấy trong tất cả các cuộc tranh luận về nguyên tử thuyết vào những thế kỷ XVII-XVIII, nhất là trong sự tranh luận tạo nên mâu thuẫn của thuyết cơ học của Descartes với thuyết nguyên tử lực *(atome force)* của Leibniz. Hiện nay, vấn đề nguyên tử thuyết không còn là cơ động của triết học mà là của khoa học *(của thuyết vi vật lý - micro physique)*; vấn đề tìm hiểu xem nếu vật chất là liên tục hay không liên tục đã được xem như là đã bị qua mặt bởi sự xuất hiện nền cơ học ba động *(Louis de Broglie)* đã xem các nguyên tử như là những điểm tập trung một năng lực tỏa ra cùng khắp.

• Nguyễn bỉnh Khiêm *(1492-1587)*

Hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, tục gọi là Trạng Trình, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương. Sinh năm Tân Hợi đời Hồng Đức Lê Thánh Tông. Tuổi còn trẻ mà học đã nổi tiếng, song vì đất nước đang loạn lạc, ông không muốn ra đời mà chỉ muốn ở ẩn một chỗ. Khi nhà Mạc cầm quyền, trong nước

yên ổn, anh em nhiều người khuyến dụ, ông mới đi thi, đậu Trạng Nguyên thời Mạc đăng Doanh, lúc bấy giờ ông đã 44 tuổi. Vua Mạc cất ông làm Đông Các Đại Học Sĩ, làm quan được 8 năm, dâng sớ hạch tội 18 người lộng thần. Sau ông về trí sĩ ở làng trong ngôi nhà đơn sơ gọi là Am Bạch Vân. Thì giờ sinh hoạt hàng ngày dùng vào việc du ngoạn những vùng núi non sông bể, thưởng thức phong cảnh, ngâm vịnh thi văn. Ông tuy về nhà nhưng vua Mạc vẫn tôn trọng lắm, có công việc gì hệ trọng vẫn đến nhờ cố vấn, sau được phong Trình Quốc Công. Ngày 28 tháng giêng Ất Dậu, ông mất, thọ 95 tuổi. Thi phú vừa chữ vừa nôm của ông rất nhiều, đến nay còn truyền tập thơ nôm là Bạch Vân Thi Tập. Ông lại học tinh khoa ký số. Buổi sinh thời của ông, nhiều người đến hỏi han về việc tương lai, ông truyền bảo đều đúng cả. Như chuyện Nguyễn Hoàng, tránh họa anh rể Trịnh Kiểm, xin vào Nam, ông bảo: *"Hoành Sơn nhứt đái vạn đại dung thân"*. Hiện còn truyền một tập sấm gọi là sấm Trạng Trình. Thời sơ khai Cao Đài giáo tại Việt Nam, không thấy có Ông giáng cơ lần nào, chỉ sau khi ông Phạm công Tắc thành lập Hội Thánh Ngoại Giao ở Kim biên *(Nam Vang)* thì lúc ấy ông mới xuất hiện đồng thời với ông Victor Hugo* *(xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn hay Chưởng Đạo Nguyệt Tâm)* tại đây và là vị Thần linh được nhóm này rất tôn trọng, nên gọi chung là Bạch Vân Động* chư Thánh, chính là nguồn phát xuất tại đây.

• Nguyễn Đán *(1905-1958)*

Ông Nguyễn Đán, còn có tên là Nguyễn văn Minh, tục gọi Hương Niên sinh năm Ất Tỵ *(1905)* tại làng Ngọc Sa, Phú Bông, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Phụ thân ông là cụ Nguyễn Bình, người Nghệ An hành nghề đông y, thân mẫu là bà Nguyễn thị Quán. Ông là con trai độc nhất gồm ba chị em. Mồ côi cha từ nhỏ, ông bê tha lêu lổng chưa học hết cấp tiểu học, rủ rê bè bạn học võ nghệ từ 16 tuổi, đến 18 tuổi thì bắt đầu giang hồ phiêu bạt khắp các tỉnh miền Nam Trung Việt, lên cả vùng cao nguyên rồi vào đến Sài Gòn-Chợ Lớn cả đến Nam Vang, nơi nào có hàng võ nghệ đổ bác, ông đều tìm đến và trổ tài đến nổi cả miền Nam không đâu là không biết tiếng võ sĩ Hương Niên. Ông đã từng tham gia vào những trận võ đài lớn và những sòng bạc to ở Sài Gòn và do mánh khoé không thua trận nào. Tuy nhiên, sau mười năm phiêu bạt giang hồ, ông cảm nghĩ cuộc đời vô nghĩa dù danh vọng đến đâu, dù phú quí đến đâu thì cơ sự xảy ra chỉ là những trò mạnh được yếu thua không ra gì cho nên năm 28 tuổi, ông trở về Quảng Nam sống cuộc đời âm thầm nơi thôn dã với sách báo nhất là của Phật giáo. Trong thời gian này, ông Nguyễn quang Châu* vốn dĩ đã thọ giáo Minh Sư từng đến đây hành nghề dạy học, và dáng dấp người thanh niên đáng kính này đã quyến rủ ông vào một tình bạn, ai ngờ đâu về sau trở thành linh sơn cốt nhục không ai bằng. Và thế là đêm Giao thừa Ất Hợi *(1935)*, ông đã nhập môn theo Cao Đài giáo qua sự tiến dẫn của ông Châu và ông Trần công Bang*, người đã dẫn Tứ Linh đồng tử* đem đạo Cao Đài về Trung qua ngả Tiên Thiên. Và khi ông Châu có đạo hiệu là Chơn Khai thì ông là Như Sơ, cùng một ý nghĩa ban đầu công trình đạo sự, Cơ đạo Quảng Nam đã có hai tài nghệ chung lo nên đạo sự càng thêm phát triển qua các ngày đại hội thành lập các Thánh Tịnh, Thánh Thất dù trong tình trạng nhà cầm quyền Pháp Nam đang từng khi theo dõi. Cho đến năm 1938, khi ông Châu được Thiên phong Giáo Sư thì ông Đán cũng được Thiên phong Giáo Hữu. Thời Pháp thuộc, ông bị án tù mấy lần vì tổ chức lễ lạc trong đạo. Vào năm 1943, ông cùng ông Trần Chí bị Pháp đưa đi an trí tại Trà Khê cho đến 1945 mới được thả về. Trong thời gian Việt minh thảm sát hàng vạn tín đồ Cao Đài tại Quảng Ngãi, ông suýt chịu chung số phận với ông Huỳnh ngọc Trác* nhưng vì ông về Quảng Nam trước nên thoát khỏi thảm nạn. Ngày quân đội viễn chinh Pháp bắt đầu tiến chiếm vùng trung châu Quảng Nam, Cơ quan Truyền giáo Cao Đài Trung bộ* phải tản cư lên vùng núi non Phước Hội *(thượng nguồn sông Thu Bồn Quảng Nam)*, ông là người đảm đang mọi việc khai

khẩn đồi núi làm nơi tá túc cho hàng ngàn đồng đạo cùng tản cư tại đây dưới tài tế thế của đạo trưởng Trần nguyên Chất* mặc dù tuổi già sức yếu cũng đã dầm mưa dãi nắng cùng bạn đạo trong công cuộc hình thành một cơ sở đạo sự với tịnh đường, có trường học, có bệnh viện, có ban kinh tài, có thuốc men một cách hoàn bị khiến chính quyền cộng sản đương thời phải lo sợ tinh thần vị nhân sanh, hy sinh vì đạo nghĩa của Cao Đài giáo. Lúc bấy giờ, Hội Thánh tạm thời với qui chế Tam Dân Cửu Viện* đã khiến cho toàn đạo trong hoàn cảnh ly loạn được yên nơi mà cộng sản đã không có thái độ nào khác ngoài sự theo dõi. Ngày mồng 9 tháng giêng năm Mậu Tý, dù cộng sản có đủ biện pháp ngăn ngừa giới hạn sự đi lại các tỉnh miền Nam Quảng Nam thuộc Liên khu 5 của

họ, nhưng dưới sự hướng dẫn của cơ bút *(do Đồng Tân chấp cơ)* các đấng Vô hình đã ban hành một Thánh lịnh cho người vào các tỉnh Nam Nghĩa Bình Phú với những Hướng đạo *(có ghi đích danh)* về Quảng Nam dự hội thành lập Hội Thánh Cao Đài Trung bộ mà ông Đán là Quản lý cơ quan Dân sanh. Nhưng sau đó, cộng sản ra lệnh bắt giam hầu hết các Hướng đạo có đến 200 người và trong phiên tòa Bồng Sơn *(Bình Định)* tháng 11 năm 1949 đã kêu án 23 người từ 3 đến 10 năm khổ sai trong đó ông Đán lãnh án 10 năm cùng ông Châu và ông Hiệp Lý Trần nguyên Chất*. Mãi đến năm 1954, các ông Châu, Đán, Trần Hoanh mới được thả về. Trong thời gian này phải nói ông Đán là người gan dạ nhất bởi tính bất khuất anh hùng võ nghiệp của ông thời xưa chỗi dậy, có lần muốn tự mình phá tan xiềng xích giải thoát đồng đạo khỏi cảnh nghiệt ngã sơn lam chướng khí miền núi non hiểm trở, nhưng khi nghĩ lại cơ đồ Đại Đạo không thể để một sớm một chiều cho bàn tay bạo quyền chà đạp được nên ông ẩn nhẫn chờ ngày thoát nạn do bàn tay vô hình điều động. Năm sau, ông được thọ phong Giáo Sư và lo vừa giúp cơ đạo miền Trung và khi Đền Thánh Trung Hưng Bửu Toà đã yên bề thì ngày mồng 9 tháng 1 năm Mậu Tuất - 1958, ông từ giả cõi đời tại đây tuy không được nhẹ nhàng cho lắm. Ông cho tác giả biết ông phải trả quả cho hết mới đi được.

• **Nguyễn ngọc Ngợi** (1900 - 1990)

Ông Ngợi sinh năm Kỷ Hợi *(1900)* tại xã Tân Thới quận Cai Lậy tỉnh Mỹ Tho trong hoàn cảnh gia đình bần bạch. Thuở học sinh là bạn thân của ông Cao hoài Sang tại Sài Gòn nên thường bên cạnh ông này về vấn đề cơ bút, sau đó, ông nhập môn vào Cao Đài giáo và phục vụ tại Hội Thánh Tiên Thiên đến chức phẩm Đầu Sư phái Ngọc nên còn được gọi là Đầu Sư Nguyễn ngọc Ngợi, pháp danh Mộc Thiên Tinh. Ông xuất thân từ trường Sư Phạm *(École normale d'Instituteurs de Saigon)* năm 1923 liền được bổ nhiệm dạy học tại Vĩnh Long. Qua năm sau, ông lập gia đình với bà Hồng thị Mẹo vốn là cựu nữ sinh trường Nữ học đường Sài Gòn cũng đang hành nghề dạy học tại Vĩnh Long sinh hạ bốn con nhưng đã tử vong trong nhiệm vụ nghĩa quân cứu quốc trong mặt trận kháng chiến chống Pháp, chỉ còn lại một gái Nguyễn hồng Đào sinh năm 1930 và Nguyễn hồng ngọc Quang sinh năm 1938. Ông đã nhập môn Cao Đài giáo từ thời sơ khai nhưng mức độ tín ngưỡng bị gián đoạn vì thời cuộc đến năm 1936, ông mới tỉnh ngộ và với tâm nguyện trọn đời phụng

sự nền tôn giáo mới. Thế là hai vợ chồng ông đã tích cực trong nhiệm vụ, ông thì bôn ba đây đó nâng đỡ dìu dắt các bạn đạo nơi các Thánh Tịnh còn bà thì vẫn dạy học lo chu toàn nhiệm vụ tề gia của mình để chồng ra đi lo việc đạo. Trải qua thời gian kháng chiến chống Pháp, ông đã chứng kiến những âm mưu sâu độc của cái gọi là việt minh đương thời nhưng không cần biết do đâu như những chia rẽ xào xáo nội bộ do bọn đảng viên cán bộ cộng sản bày ra hầu hết các vùng quê trong đó có tín đồ Cao Đài thậm chí có nơi bị giết hại có tiếng than khóc, ông cũng khóc theo khi bà vợ hỏi nguyên do thì ông chỉ trả lời người ta chết nhiều quá... Thế là ông lao mình vào công tác cứu quốc từ 1945 đến 1954 theo sự chuyển biến của thời cuộc, từ vận động giáo viên học sinh tham gia kháng chiến tại Vĩnh Long đến làm Hội trưởng bộ Chỉ Huy Cao Đài cứu quốc và Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Vĩnh Long, rồi ủy viên ban Chỉ Huy Trung ương Cao Đài cứu quốc 12 phái thống nhứt và sau đó là đảng viên cộng sản không điều kiện để trở thành Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Vĩnh Long đến 1952 là Phó Chủ tịch Mặt trận Liên việt và Đầu Tỉnh đạo Cao Đài tỉnh Vĩnh Trà *(nay là Cửu Long)*. Cuối cùng đến 1954, ông được Mặt trận Liên Việt Nam bộ và Ban Chỉ Huy Trung ương Cao Đài cứu quốc chuyển công tác sang Bến Tre để củng cố Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên. Trong thời gian này, ông đã bỏ nghề dạy học và đi đây đó khắp miền Hậu giang để thăm hỏi đạo tình và hướng dẫn họ đối đầu với tình thế đang như nước sôi lửa bỏng khi mà bọn Việt minh bị quân Pháp tấn công phải rút về hậu cứ của chiến khu Nam bộ tại Bặc Liêu thì cũng tại đây một sự cố điển hình xảy ra nơi Thánh Tịnh Tây Thiên Ngọc Đài, ông nhận ra một số người xưng là chức sắc của phái này chi nọ, đến ở chùa để tu, nhưng mà lần lần họ âm mưu phá rối hàng ngũ của đạo nơi đây. Và nhứt là họ kết án phái Tiên Thiên nguy hiểm cho cuộc kháng chiến vì lẽ theo Cơ quan Cao Đài qui nhứt *(?)* là của ông Phạm công Tắc và theo Cao Đài thống nhứt là của Pháp... Và chính do thái độ vô tư chất phác cứng cỏi của ông mà sau này nhóm phá rối kia lòi mặt nạ cán bộ cộng sản nằm vùng qua thái độ tham nhũng của chùa mà phải trốn đi nên cảnh Thánh Tịnh lại trở nên yên tịnh như trước... Nhưng cũng từ đây cảnh gia đình ông bị nhiều tai biến, bà vợ trở bệnh ung thư, hai đứa con bị tử thương khi hành quân, ông có lời tự thán: *"Đứng trước hoàn cảnh vận nước chưa yên, nghiệp nhà tan vỡ, con chết gần hết, vợ đang bệnh thêm gánh đạo vai mang, tôi suy nghĩ chẳng biết làm thế nào cho kham được. Tôi cầu nguyện xin Ơn Trên* phong cho tôi một chức sắc để đi hành đạo được danh chánh ngôn thuận thì được phong Giáo Hữu"*. Và từ đó, ông bắt tay vào hành đạo - cũng vừa tham gia chính trị cứu quốc như thường lệ - dần dà đến chức Ngọc Đầu Sư phái Tiên Thiên vào cuối năm 1959. Năm 1960, vì một lý do đã có thời *vào chiến khu Nam bộ được hội nhập đạo sự với Hội Thánh Cao Đài Duy Nhất (xin xem Cao triều Phát*)* đã vào bưng biền U Minh những tưởng cùng hợp tác với tổ chức Cơ quan này *(ông Phát nay không còn)* để bảo vệ bổn đạo trong thời âm mưu sát hại của cái *chủ nghĩa v*ô thần việt minh nhân thời chiến *với lý do tham gia kháng chiến chống xâm lăng đương khi Nguyễn thị Bình c*ầm đầu một tổ chức bù nhìn mệnh danh là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam với lý do *dân miền Nam khởi nghĩa để đòi quyền thống nhất đất nước heo hiệp định Genève tháng 7 năm 1954*... Và thế là ông được cộng sản phong chức Chủ tịch Mặt Trận Dân tộc Giải Phóng tỉnh Bến Tre ngày 25 tháng 12 năm 1960 đến 1964 lên chức Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTDTGP miền Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Thương bệnh binh quân Giải phóng. Sau đó thì ông được đưa ra Hà Nội qua ngả Nam Vang một thời gian sau khi bà Nguyễn thị Định đến rước từ Châu Minh. Thế là, cả cái Mặt trận DTGPMN đều bị đưa từ Nam Vang ra Hà Nội, có nhà cho ăn ở và chỉ nhận mệnh lệnh của chính phủ Hà Nội hằng ngày ngoài những chuyến công du ngoại quốc mang tính tuyên truyền theo lịnh trên chứ không làm gì khác... Sự thể

không khác một nhóm con tin cho cái chính phủ cộng sản miền Bắc. Mỗi lần bọn họ muốn mị dân ra mặt thì cho cả nhóm người ra phi trường lên phi cơ, cho cất cánh bay vòng vòng trên không phận Hà Nội rồi cho đáp xướng phi trường Nội Bài, loa vang trong dân chúng là có phái đoàn MTDT GPMN ra thăm bác và viếng thủ đô. Sự việc cứ tiếp diễn như thế khiến cái cảnh làm con tin cho nhóm người biết là trò mị dân phỉnh gạt quốc tế đã rất rõ rệt khi bọn nằm vùng việt cộng ngày càng lộng hành tại miền Nam mà miền Bắc không có đem quân vào tham chiến giả bộ y như

hiệp định đã thi hành khiến bọn gián điệp cộng sản ba hoa đủ điều có lợi cho phía cộng mà không biết mình đang làm trò xỏ lá ba que hảm hại dân lành. Nhất là tại hội nghị Ba Lê năm 1973 cái tuồng mặt trận này do tên Nguyễn thị Bình huênh hoang với các đồng bọn quan thầy Nga sô -Trung cộng nên kết quả thảm bại về phía miền Nam tạo cảnh ly loạn đưa đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 mà miền Bắc đã không dám ra mặt trước quốc tế đã dùng lá cờ Mặt trận này treo tại dinh Độc Lập để rêu rao là chiến thắng do cái Mặt trận này tạo ra. Thế mới biết cái tuồng quốc tế chỉ là trò chơi trẻ con không bằng. Phần ông Ngợi thì dù phải trú ngụ trong chung cư thường dân, ông đã bị giới hạn khi tiếp xúc bên ngoài dù với con ruột ông - anh Quang người từ Nam ra thăm - nhưng ông vẫn tìm cách thăm viếng đạo hữu tại đây và theo lời cô con gái nuôi - chị Thanh - thì ông có đến Thánh Thất Minh Khai thuộc Hội Thánh Bến Tre thăm viếng nhiều lần và chỉ dẫn cách tu học cũng như nghi thức thờ phụng khi Thánh Thất đương thời hoang vắng chỉ có hai người thường trực là Anh Tô văn Pho và cô Ngô thị Bình. Đến tháng 5 năm 1975 ông theo đường bộ vào miền Nam cho trú ngụ tại một căn phố chật hẹp về sau ông được chị Đào mời cụ bố về ở chung tại hẽm đường Trần bình Trọng - Chợ Quán. Cho mãi đến 1990, ông bị bệnh đem vào bệnh viện An Bình, việt cộng vẫn buộc ông phải nghe theo họ mà không được tự quyết việc gì cho mình. Ông bèn làm tờ di chúc nêu rõ ông nguyên là Đầu Sư trong đạo Cao Đài trước khi thi hành nghĩa vụ công dân cứu quốc với tinh thần truyền thống dân tộc từ nghìn xưa chứ không phải là người cộng sản. Nên ông yêu cầu phải được yên nghĩ trong lễ đạo và bên cạnh vợ ông như ông đã hứa với bà khi sinh tiền. Lời di chúc phải viết lần nhì với sự kêu ca của người con gái - Nguyễn thị Thanh - mới được nhà nước thi hành. Bởi thế, tang lễ ông được cử hành tại Hội Thánh Bến Tre tại Sài Gòn *(vì không thể về Hội Thánh Tiên Thiên Châu Minh ở Sóc Sãi khá xa)* và hài cốt được chôn tại quê ông là An Hữu bên cạnh mộ bà xã ông như lời ông đã phú chúc. Một người có lòng yêu nước, lại chung thủy với vợ mình như thế dù hoàn cảnh có khắt khe, có cay nghiệt, nhưng đạo hạnh một chức sắc Cao Đài vẫn thanh cao, thiết nghĩ Cao Đài giáo đã có một nền đạo pháp quá ư vị nhân sinh vậy *(xin xem Nhân Vật Cao Đài Giáo cùng tác giả)*.

• **Nguyễn ngọc Thơ** *(1873-1948)*

Thường gọi là Huyện Thơ, sinh năm 1891 tại Gia Định. Ông sống cuộc đời trưởng giả giàu có khi ông gặp bà Lâm ngọc Thanh vào độ trung niên góa chồng và kết thành giai ngẫu

sống hạnh phúc tại một biệt thự sang trọng vùng Tân Định Sài Gòn. Và hai ông bà đã cùng qui y Phật giáo với Hòa thượng Như Nhãn Nguyễn văn Tường đang là trụ trì chùa Từ Lâm Tự tại Gò Kén Tây Ninh trước khi nhập môn theo nền Tân pháp Cao Đài trong số 247 tín đồ đầu tiên của cơ Phổ Độ và hai ông bà đã cùng đứng tên trong tờ Khai Đạo* đệ lên Thống đốc Le Fol ngày 7 tháng 10 năm 1926. Được Thiên phong Phối Sư rồi Chánh Phối Sư cùng lúc với các quan phủ Nguyễn ngọc Tương và Lê bá Trang năm 1926 cũng như ba ông cùng được tấn phong Quyền Đầu Sư năm 1933. Khi cơ đạo phải rời Tứ Lâm tự đầu năm 1927 thì chính hai ông bà đã giàu hằng sản lại đủ hằng tâm chi ra 25000 đồng để cho Hội Thánh mua một khu rừng khoảng 100 mẫu tây để làm Thánh địa tại làng Long Thành quận Phú Khương tỉnh Tây Ninh, nơi đây đã được xây cất ngôi Đền Thánh Tây Ninh với một họa đồ thiết kế khuôn viên Thánh địa rất công phu. Năm 1934, khi mối bất hòa giữa nội bộ các nhà lãnh đạo không được dàn xếp do tham vọng của cá nhân ông Hộ Pháp Phạm công Tắc thì hai ông Tương và Trang cùng về Bến Tre thì ông bà cũng về Sài Gòn và tham gia đạo sự tại Thánh Thất Cầu Kho mà trong tập san Cao Đài Giáo Lý năm 1947 có bài viết của ông. Ông mất năm 1948 tại Sài Gòn. Sau đây là nguyên văn tờ Phúc trình về việc mua đất và tạo tác Thánh địa do ông bà chủ xướng:

"Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Đệ lục niên
Chánh ngoạt, sơ nhị nhựt, Tân Vị, Khâm thiên
Tổng quản tài chánh, phụng sắc Chưởng quản tài liệu
Tổng lý Công viện, Lương viện, Hộ viện, Nông viện, Phổ Độ viện,
Quyền Thái Đầu Sư Chủ tọa Hội Thánh, Quản lý tạo tác Tổ đình, Thái Thơ thanh kĩnh bút Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đệ lục niên, chánh ngoạt, sơ tam nhựt Tân Vị, Nữ Chánh Phối sư Hương Thanh đề bút.

Tượng mãn Đại Đạo hoằng khai Tam Kỳ Phổ Độ lưu truyền thiên vạn cổ, bủa khắp ngũ châu thì nền chơn đạo phải to tát mới ra cảnh tượng thể thống đạo cả. Vì vậy mà hai tôi nong nả đêm ngày lo mở mang cuộc Thánh địa, chế ra nền Tây Vức, bởi nông trường cực nhọc, trên nhờ sức thiêng liêng Đại Từ Phụ ban bố, mới xui khiến mua thêm được 100 mẫu đất rừng của tư bổn vợ chồng tôi xuất ra mua, liên tiếp Thánh địa nối dài ra tới ngả ba Mít Một (Boulevard l'Anglais) bề mặt liền trên 2000 mét giáp ranh Bá Huê Viên, nối liền Động Đình Hồ, 1000 mét của Thánh địa nữa, cộng chung là 3000 mét. Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn ngày sau Hội Thánh mở mang ba phía là Đông Nam Bắc, mỗi phía 3000 mét, vuông vức cộng là 12000 mét vuông, đặng xây vách thành cao lớn giáp bốn phía dựng nên miền Tây Vức, đề hiệu Thái Cực Toàn Đồ. Trong chia ra hai cuộc: phía nhánh Bắc xây cửa thành lớn đắp chữ nổi cao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lộ ra bốn

chữ to tát là Đế Thiên Thượng Hoàng, còn phía chánh Nam cũng tại cửa thành y kiểu ba mặt như nhau, đề hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện bốn chữ Đế Thích Phật Tổ. Phía chánh Tây tạo một cuộc ngũ quang môn nghĩa là Đại Thành môn có năm cửa Ngũ chi Đại Đạo hiện bốn chữ nổi Thái Cực Toàn Đồ. Còn chánh Đông môn thì cửa thành y kiểu ba phía đề hiệu Tây Vức Cảnh. Trong Thái Cực

Hội Văn Hóa Đồng Tân - Tây Ninh

Toàn Đồ chia làm hai cuộc: bên phía Bắc là Bạch Ngọc Kinh tạo tác Tổ Đình, có Bá Huê Viên, Động Đình Hồ, đức Thế Tôn ngự mở canh thoát trần, đức Di Lặc giáng thế khai Long Hoa hội. Hai bên rừng thiên nhiên, phía sau lập Cửu Viện, Thiên phong đường, Đầu Sư quang, Chánh Phối sư đường, Hộ Pháp đường, Thái Y viện, Dưỡng lão ấu, Tịnh Thất sở và Học đường, Dưỡng đường với các xưởng bá công kỹ nghệ. Còn các con đường: 1- Như Lai đồ, 2- Di Lặc đạo, 3- Phước đức cù, 4- Oai linh tiên, 5- Bình đẳng đồ, 6- Sử quan tử, 7- Thái hòa lộ, 8- Bình dương đạo. Còn phía bên Nam thì tại Cực Lạc Vô Vi cảnh giới là đắp con dường lớn dài từ Nam chí Bắc, từ Đông giáp Tây gọi là Tứ Tượng đồ biến Bát Quái chính giữa ngả tư biến ra Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Giữa trung tâm ung đúc một cảnh Nội Điện Đế Thích giống in như cuộc cổ tích trên chốn Đế Thiên gần nước Xiêm La vậy. Phiá bên hữu Tây Bắc thì tạo Quan Âm các, phía bên tả Tây Bắc thì dựng Long Nữ điện. Phía bên hữu Đông Bắc thì cất tòa Kinh Viện 15 căn lầu ba từng nóc. Phía bên tả Đông Nam thì xây nơi Tô Sơn, trên chót đỉnh có đảnh cốt đức Thế Tôn nằm qui Niết bàn bề dài 12 thước tây, trên đảnh trung có thạch động Phổ Đà Sơn, đức Từ Hàng Đạo Nhơn thành Phật; ấy là năm cuộc to lớn. Còn các cuộc nhỏ khởi tạo trước là: tạo Thất Bửu tháp, đào Tây Vức trì, cất Thưởng liên đình, tạo Từ Thoàn lâm. Trong cuộc Từ Thoàn có ba con đường cái: 1- Bác Nhã đạo, 2- Bồ Đề lộ, 3- Như Ý cảnh. Lựa những bậc chân tu trường trai khổ hạnh, từ Trung thừa sắp lên mới cho vào trong cuộc Từ Thoàn lâm này, vuông vức 500 công. Ấy là bên hướng Nam. Còn bên hướng Bắc thì Thái Bình địa cũng 500 công, cất chợ Từ Bi, nhà thương, nhà thí, nhà mát, nhà nghỉ cho bực tín đồ nhập môn theo Hạ thừa sắp lên thì được phép ở. Ước trong ngày sau, Hội Thánh mở mang cuộc Thánh địa này cho giáp hết khoảng núi Điện Bà đặng ra vẻ nền chơn đạo. Trân trọng một bài kĩnh cáo, nguyện cầu đạo mạch hoàn toàn lưu truyền, trăm họ trước sau an nhàn. Thái Thơ Thanh - Lâm Hương Thanh Kĩnh đề. Chuyển đạt Thiên đình, ngưỡng vọng Đại Từ Phụ Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chứng chiếu. Ngu đệ phục thủ bá bái".

• **Nguyễn ngọc Tương** *(1882-1951)*

Ông Nguyễn ngọc Tương sinh năm 1881 tại làng An Hội tỉnh Bến Tre. Mồ côi cha từ năm lên sáu, ông ở với ông nội, đã theo học các trường Trung học Mỹ Tho và Chasseloup Laubat Sài Gòn. Năm 1902, ông đậu Thư Ký Thượng Thư và được bổ làm việc tại phòng Thượng Thư Sài Gòn sau đó tùng sự tại Bến Tre. Năm 1818, ông đậu Tri huyện và được bổ làm Tri huyện các quận Cần Thơ, Hòn Chông, Cần Giuộc, sau đó thăng Tri phủ quận Xuyên Mộc. Ông có đứng tên trong tờ Khai đạo năm 1926. Khi làm tri huyện Cần giuộc ông đã tu theo pháp môn Minh Sư với Thái Lão Trần Đạo Quang và khi qui nguyên qua đạo Cao Đài, ông được Thiên phong phẩm vị Chánh Phối Sư phái Thượng từ 1926. Năm 1931, ông xin từ quan và phế đời hành đạo

tại Tòa Thánh Tây Ninh. Tại đây, ông cùng ông Lê bá Trang* đạo danh Ngọc Chánh Phối sự hết lòng vun bồi nền đạo. Cũng trong năm này, hai ông được đức Lý Giáo Tông nâng lên Quyền Đầu Sư nhưng thực sự thi hành

chức vụ từ 1933 theo tờ Châu tri số 1* do hai ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Hộ Pháp Phạm công Tắc ban hành với mưu đồ riêng tư mà sau này mới lộ liễu. Từ đây, mối bất hòa mỗi lúc một gia tăng và cơ khảo đảo nội bộ Tòa Thánh đã xô đẩy hai ông ra khỏi Tây Ninh dù hai ông cố ẩn nhẫn đến đâu. Thế là từ ngày 5 tháng 3 năm 1934, hai ông bị buộc ra khỏi Tây Ninh, ông Trang thì lo lui về Đất Đỏ Bà Rịa còn ông Tương thì lui về Thánh Thất An Hội* Bến Tre. Hai ông cùng thành lập Ban Chỉnh Đạo* tại Thánh Thất An Hội với số 85 trong tổng số 128 Thánh Thất lúc bấy giờ. Sau khi ông Lê văn Trung tạ thế 14 tháng 10 Giáp Tuất *(11-1934)* tại Tây Ninh, một cuộc bầu cử diễn ra ở An Hội do số tín đồ theo hai ông đã đưa ông Tương lên phẩm vị Giáo Tông và lễ đăng điện được cử hành năm 1935 tại Thánh Thất An Hội. Từ đây, ông tuyên bố *các chi phái đã rồi phận sự* và ban hành một Tân pháp theo sự sắp đặt của ông cho những người theo ông, không dùng cơ bút tại đây. Thế là một chi phái mới thành hình gọi là phái Bến Tre với lãnh tụ là ông Giáo Tông Nguyễn ngọc Tương kể từ 1935.

• Nguyễn phan Long *(1889-1960)*

Ông sinh năm 1889 tại Nam Định, con cụ Nguyễn hạch Toán người Bến Tre và cụ bà Nguyễn thị Vĩnh, người Nam Định. Ông là con út của gia đình gồm ba trai. Thuở nhỏ, ông học rất giỏi, luôn luôn đỗ đầu các khoa. Năm 1906, ông là học sinh trường Jules Ferry và đã đỗ đầu bằng Diplôme *(Thành chung Pháp)* đầu tiên tại Hà Nội. Sau đó, ông thi đậu vào làm công chức ngành Thương chánh. Năm 1911, ông về Nam cưới vợ và bắt đầu chuyển nghề. Có thể nói cuộc đời của ông được nhân diện qua bốn khía cạnh đặc sắc khác nhau:

1- ***Nguyễn phan Long là một nhà báo đại tài***

Là một nhà Tây học uyên bác, ông bẩm sinh một khả năng phi thường trong ngành báo chí thời Pháp thuộc, nhất là báo Pháp ngữ với tài ăn nói lưu loát - còn hơn người Pháp - với tài hùng biện của ông, cả đến chính quyền Pháp cũng khâm phục. Ban đầu, ông chủ trương tờ Đuốc Nhà Nam và tờ Tribune Indochinoise *(1929-1935),* sau đến tờ Dư Luận và tờ Echo du Vietnam *(1945-1947)* với lời khuyên nhủ các cộng sự viên: *"Các thầy cũng như tôi, mình không có điều kiện cầm súng chống xâm lăng. Vậy chúng ta không làm chiến sĩ cầm súng thì phải là chiến sĩ cầm bút"*. Trong thời gian này, ông đã mạnh dạn chống đối những tay tài phiệt Pháp muốn lủng đoạn thị trường vơ vét tiền của nhân dân, điển hình tên Garidon muốn chiếm độc quyền thương cảng Sài Gòn hay tên Granval muốn chiếm độc quyền về nước mắm Phan Thiết, cả hai đều bị thất bại chua cay, cố mua chuộc bằng tiền bạc để ông xiêu lòng được việc cho họ - vì toàn quyền Varenne đang chờ ý kiến ông Long - nhưng tất cả đều phải khuất phục trước lòng yêu nước yêu đồng bào rất thanh cao của ông.

2- ***Nguyễn phan Long là một nghị sĩ ái quốc cương trực dưới thời Pháp thuộc***.

Mục đích tham gia chính trường của ông là để bênh vực cuộc sống cơ cực nghèo nàn của người dân đương thời bị trị, cho dù thực dân có khắc khe đến đâu. Kỹ sư Lưu văn Lang có lần nghe ông diễn thuyết trên nghị trường Hội đồng Quản hạt mà không cầm được nước mắt bởi những ngôn từ lo cho dân cho nước của ông. Đối với chính quyền Pháp, ông không hề có thái độ nhún nhường quì lụy mà luôn luôn khẳng khái dõng dạc, dù ở ngay tại Pháp trong lần hội nghị về kinh tế về số phận đồng bạc Đông Dương bị phá giá đến nổi Bộ trưởng Kinh tế Pháp phải nhiệt liệt tán thưởng tài hùng biện của ông trước cử tọa. Lại có lần dự hội với Thống đốc Krautheimer, ông đã chỉ trích thái độ cao ngạo của ông này buộc ông này phải sửa đổi nghiêm túc khiến cho toàn hội nghị sửng sốt khâm phục.

3- ***Nguyễn phan Long là một chính trị gia thanh liêm và bất khuất.***

Năm 1950, ông được vua Bảo Đại cử giữ chức Thủ tướng của chính phủ giao thời của nền độc lập Việt Nam vừa manh nha từ tay thực dân Pháp. Ông tập họp các bạn đồng nghiệp trí thức thành lập một chính phủ hoàn toàn

Việt Nam đủ thành phần Nam Trung Bắc. Nhưng hai tháng sau, vì Cao ủy Pháp Pignon bất mãn thái độ bất khuất của ông nên tỏ ý cho Bảo Đại thay người khác. Thế chẳng đặng đừng, ông bèn chỉ thị cho các Bộ trưởng nộp hết số quỹ đen tổng cộng là 850 000 đồng lập hồ sơ trả vào ngân khố. Khi trình

Bảo Đại duyệt ký, ông ta bảo: *"Số tiền này tôi cho ông, đem nộp lại làm gì?"* Ông Long khẳng khái: *"Thưa Bệ hạ! Số tiền này là của nhân dân, không phải của bệ hạ nên bệ hạ không có quyền cho mà tôi cũng không có quyền nhận"*.

4- ***Nguyễn phan Long là một tín hữu thuần thành của Cao Đài giáo, ăn chay trường và luôn luôn thể hiện tình đạo trong mọi hoạt động của đời.***

Ngay từ hồi còn thanh niên, xông xáo sự nghiệp đời, ông đã có một ý thức đạo học và luôn đi tìm những huyền bí của thế giới vô hình. Những năm 1924-1925, ông đã có đến đàn Thủ Dầu Một để tìm hiểu những tiên tri về thời cuộc đất nước. Khi Cao Đài giáo manh nha cơ cứu độ tại Sài Gòn, ông đã nhập môn tại một Thánh Thất thuộc phái Tiên Thiên và được Thiên phong Giáo Sư năm 1930. Tuy không trực tiếp tham gia đạo sự, nhưng mỗi khi trong nhà đạo, bất kỳ ở đâu có sự không hay xảy ra với chính quyền thuộc địa thì ông lại ra mặt bênh vực người Cao Đài, thường rất hữu hiệu, nhất là những cuộc họp đạo đông người. Những năm 1933-1934, trong thời gian biến động tại Toà Thánh Tây Ninh giữa các ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Hộ Pháp Phạm công Tắc với hai ông Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh dẫn đến Đại hội Vạn Linh*. Tại đây, ông đã hiện diện trong đại hội và được bầu làm Nghị trưởng đã làm cho ông Phạm công Tắc, dù ở phía bị cáo, cũng phải thán phục. Chính ông Lê văn Trung đã nói trong dịp này: *"Cái hậu quả của Hội Vạn Linh này chính là để cho đạo được thêm một tín đồ trí thức: Nguyễn phan Long!"*. Từ 1936, có lịnh cơ bút thành lập một cơ quan liên hiệp các chi phái Cao Đài, ông được bầu làm Tổng trưởng Liên Hòa Tổng Hội* với 12 kỳ Long Vân* đại hội khắp hai miền Nam Trung Việt Nam kêu gọi sự thống nhứt các chi phái đạo, đặc biệt trong kỳ Long Vân đệ bát tại Thánh Thất Trung Thành - *(Đà Nẵng)*, ông đã thuyết giảng một bài diễn văn về Cao Đài giáo bằng Pháp ngữ tại đây khiến cho cử tọa Pháp Nam vô cùng phấn khởi. Thế rồi, khi đại hội Long Vân thứ 12 đã qua năm 1941, thì tình trạng nhà đạo lâm vào bế tắt, chìm trong thảm cảnh khảo đảo anh tù em tội, chùa bế thất niêm khắp mọi nơi từ các tỉnh miền Nam ra đến miền Trung, một số lãnh đạo bị lưu đày nơi hải đảo như Mả đảo Phi châu hay Côn Lôn. Ông Long vẫn không mệt mỏi lao vào tình hình chính sự cứu dân cứu nước như đã nói trên. Và cho đến năm 1960, ông đã từ trần tại tư gia trong bộ pyjama rách vai, người bạn cộng sự với ông, ông Trần văn Long tìm trong túi áo thấy còn tờ bạc 20 đồng bạc Đông Dương.

• Nguyễn phát Trước *(?)*

Thường gọi là Tư Mắt, người vùng Phú Thọ *(Chợ Lớn)* . Ông là một anh hùng hảo hán, xuất thân từ gia đình thường dân, nhưng khi lớn lên thì có sức mạnh phi thường, dáng đi giống như con hổ trong bộ y phục hiệp khách giang hồ, *(nón rộng vành, áo rộng tay, quần*

Hội Thánh Cao Đài - Đền Thờ Đức Chân

lảnh đen, nịt thắt ngang lưng) qui tụ những người cùng chí hướng đi lấy của kẻ giàu để giúp người bần khổ nên bọn quan lại thực dân theo dõi và chắc không tránh khỏi những lần vào tù ra khám. Nhằm lúc cơ đạo Trời lan truyền cơ cứu nhân độ thế, ông bèn bỏ phe đảng mà tìm hầu đàn cơ và hai vợ chồng có đến dự lễ Khai đạo tại Từ Lâm tự *(Gó Kén Tây Ninh)* và đã được Đức Cao Đài cho ông bài điểm danh:

Mắt! Con nghe!
Chánh tà con đã thấy đôi đường
Cầu ý rằng Thầy để dạ thương!
Làm lụng công trình ra sức trẻ
Giữ gìn cho vẹn đạo tào khang!

Và nhờ huyền diệu thiêng liêng, hai vợ chồng đều dứt bỏ chuyện đời mà chí thành tuân theo chánh pháp Cao Đài từ đó *(11-1926)* khiến cho người đương thời phải lấy làm lạ. Kịp khi Thánh địa Tây Ninh khai mở, nhân công phần lớn là tín hữu khắp lục tỉnh về làm công quả dưới sự điều động của ông Cao quỳnh Cư. Mặc dù số tiền quyên góp đựng đầy tủ sắt phải dùng baton mà nhận vào thuở ấy, nhưng lại không đủ lo việc ăn uống cho những người làm công quả khai phá rừng nên ông Tư Mắt có lên Tây Ninh chứng kiến hiện trạng mà nổi giận đòi bắt ông Cư bỏ vào rừng cho cọp ăn *(lời bà Cư nói với Đồng Tân năm 1959)* nên ông bà Cư phải về Thảo Xá Hiền Cung, sau đó không lâu thì ông Cư mất. Phần ông Tư Mắt thì về sau có thiết đàn tại tư gia vùng Phú Thọ rất kiên cố lấy tên là Trước Lý Minh Đài*. Nơi đây là một Thánh sở thuộc phái Tiên Thiên đã hoạt động đạo sự rất vang dội khắp miền Nam, đã có liên hệ với Đàn Chợ Lớn* thuộc Vô Vi Chiếu Minh nên được xem như một nhịp cầu liên kết hai phần Vô Vi và Phổ Độ, nhưng chỉ trong một thời gian vào thập niên 1930 mà thôi. Nghe đâu, ông mất vì tai nạn đèn mân sông tại đây.

• **Nguyễn quang Châu** *(1918-1955)*

Ông sinh năm 1918 tại làng La Kham, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, thuở nhỏ mồ côi cha, học đến Trung học thì nghỉ làm nghề dạy học để phụ giúp mẫu thân. Mới 18 tuổi, ông đã thọ giáo với Lão sư Trần văn Định *(tục gọi thầy Lão Đương ở Quảng Đợi, ông này là môn đệ của đức Thái Lão Trần Đạo Quang)*. Đến 23 tuổi, ông đã cầu tam bộ Minh Sư và quyết chí tu chơn dù thân hình cường tráng lại thanh nhã đẹp trai, nên ngôi nhà của ông có bảng đề *"Đồng Chơn Tự"*. Trong thời gian làm nghề giáo tại Dinh Trận *(cách La Kham khoảng 5 cây số cách sông Thu Bồn)* ông có biết về nguồn đạo mới do ông Trần công Bang* hướng dẫn cùng Tứ Linh đồng tử* từ Nam kỳ về với sứ mạng truyền bá mối đạo Cao Đài mà những lần cầu cơ* và tuyên đọc Thánh giáo nghe rất hấp dẫn. Vốn là môn đồ Minh Sư, lại nghe có đức Thái Lão Trần Đạo Quang đã qui hiệp về nguồn đạo mới

nên ông đã xin nhập môn theo Cao Đài giáo từ 1934. Và thế là sau đó, cả gia đình gồm mẹ già và ba em đều nhập đạo, cũng hiến dâng ngôi nhà làm cơ sở đạo với bảng hiệu là Thanh Quang Thánh Tịnh , ngôi Thánh sở đầu tiên tại miền Trung Quảng Nam, cùng Thánh Thất Từ Quang mấy hôm sau chứng tỏ lời tiên tri trong lệnh *"phổ thông chơn đạo "*tại miền Trung quả là Thiên ý *"Thanh Từ trổ mặt Quang Quang..."*. Đến năm Mậu Dần *(1938)*, ông được Thiên phong Giáo Sư với đạo hiệu

Chơn Khai *(đã có từ Minh Sư)* cùng với ông Nguyễn Đán đạo hiệu Như Sơ, Thiên phong Giáo Hữu là hai chức sắc Cao Đài giáo đầu tiên tại Quảng Nam sau ông Trần công Bang với phẩm Giáo Sư từ Nam ra. Năm 1939, nhân các kỳ hội Vạn linh, ông bị kết án 2 năm tù treo, và đến năm 1941 trở thành 2 năm tù ở vì tổ chức đám tang của thân mẫu ông Huỳng ngọc Trác sau đó lại bị đưa đi an trí tại Dakto mãi đến sau ngày 9 tháng 3 năm 1945 mới được thả về. Trong tổ chức Cửu Viện năm 1939, ông là Viện trưởng Nội Ngoại Giao viện, chức vụ này được tái tục năm 1948. Năm 1949, phiên toà Bồng Sơn kêu án 10 năm khổ sai cho đến sau Hiệp định Genève *(tháng 10 năm 1954)* mới được trả tự do trở về đoàn tụ với toàn đạo. Trong một dịp vào Nam, ông bị bạo bệnh và mãn phần tại Thánh Thất Liên Thành *(Nha Trang)* trên đường hồi hương ngày 19 tháng 5 Ất Mùi *(1955)*.

• Nguyễn trung Hậu *(1892-1961)*

Ông sinh năm 1892 tại xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định. Ông tốt nghiệp trường Sư Phạm Gia Định *(Ecole normale de Gia Định)* năm 1811 và bổ vào ngành giáo học ngay năm ấy. Năm 1922, ông từ chức để tự điều khiển một trường Sơ học nội trú tại Đakao *(Internat primaire de Dakao)*. Đến năm 1925, ông tham gia vào nhóm xây bàn* và đến năm 1926, ông về phế việc đời để lo việc đạo, được Thiên phong Bảo Pháp* Hiệp Thiên Đài đầu năm Đinh Mão *(1927)*. Ông có làm chủ bút tạp chí Revue Caodaiste viết bằng tiếng Pháp vào năm 1930-1931. Năm 1932, ông lại làm chủ bút nguyệt san Đại Đồng, cơ quan của Liên Hòa Tổng Hội do ông Nguyễn Phan Long lãnh đạo. Năm 1937, ông cùng toàn thể Thập nhị Thời quân ký tên vào văn bản không nhìn nhận chức vụ Hộ Pháp của ông Phạm công Tắc vì sự lạm dụng quyền hành xưng Chưởng quản Nhị hữu hình đài của ông này. Về sau, ông trở lại về nhà, với nghề dạy học tại tư gia và tại các tư thục cho đến năm 1956. Thượng tuần tháng 5 năm 1957, ông được mời về Tòa Thánh Tây Ninh trong cương vị Bảo Pháp Hiệp Thiên Đài sau khi ông Phạm công Tắc lưu vong tại Cao Miên. Ngày 26 tháng 12 năm 1958, ông về dưỡng bệnh tại tư gia cho đến ngày tạ thế năm Tân Sửu *(8-1961)*. Buổi đạo sơ khai, ông có viết nhiều quyển sách tuy sơ lược song nhờ đó người đọc biết được một cách tổng quát tôn chỉ và mục đích của nền đạo, cùng nguồn gốc phát sinh. Ông là tác giả sách Đại Đạo Căn Nguyên* và là soạn giả quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển do Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản còn đến ngày nay trong đó có ôi chỗ sai thù về niên biểu, Đồng Tân có hỏi về việc này thì ông cho biết: *"Hồi đó làm gấp rút nên không khỏi sơ sót"*. Một tinh thần vô tư vì đạo nghiệp mà ông đã lưu lại hậu thế qua Đồng Tân, tác giả các bộ sử đạo trong đó phần Phần Phổ Độ mà ông đã viết bài tựa lần xuất bản 1972 tại Sài Gòn dù ông đã viết năm 1959 tại tư gia khi ông vui vẻ trao tận tay bản Thánh huấn* đầu tiên đêm giao thừa Bính Dần mà ông đã giữ kỹ cho Đồng Tân để dùng làm sử liệu căn bản của cơ Phổ Độ với lời thân mật: *"Em giữ đi rồi có gì cần, hai đứa mình chung tay làm"* dù Ông với tôi là hai thế hệ. Lại một sự kiện cũng cần ghi ra đây: Nguyên khi đến thăm ông điều trị căn bệnh tại nhà thương Grall năm 1961, Đồng

Hội Văn Hóa Cao Đài Đồng Tân Trần Thái Chân

Tân vốn đã qua lại với ông nhiều lần trước đó ông đã tâm sự với Đồng Tân rằng: *"Số qua (tức là tôi) còn sống được một kỷ (tức 12 năm) nữa mới chết, nhưng hiện giờ ông Hộ Pháp (Phạm công Tắc) đang chối tội trên Thiên đình, nên qua phải về đối chất với ông ấy" (Ông Tắc* chết năm 1959 tại Thánh Thất Kim Biên - Cao Miên)*. Không lâu sau, ông liễu đạo *(10-1961)* Đồng Tân có phúng điếu câu liễn:

- Đạo nghiệp chửa thành, Anh Lớn vội đi đâu, nước biếc non xanh tình cám cựu!*

- Tiền đồ xa thẳm, đàn em còn lại đó, chi này phải nọ nỗi thương tâm!

• Nguyễn văn Ca *(?)*

Nguyên là Đốc phủ sứ tại Mỹ Tho, nhập môn vào đạo trong những kỳ phổ độ đầu tiên 1926, được Thiên phong Phối Sư phái Thái trong dịp lễ khai đạo nên thường gọi là Phối Sư Thái Ca Thanh, hành sự tại Tòa Thánh Tây ninh từ năm đầu 1927. Ông giữ chức vụ quản nhiệm các viện thay quyền Thượng Chánh Phối Sư trước khi ông Thượng Tương Thanh hưu trí về thọ nhiệm *(1931)*. Năm 1929, ông bất bình về việc làm của các chức sắc lớn như ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Hộ Pháp Phạm công Tắc nên đã tách rời Tòa Thánh Tây Ninh từ 1931 để về Cầu Vĩ *(quê ông tại Mỹ Tho)* để lập nên một phái gọi là Minh Chơn Lý, lôi kéo được ông Chưởng Pháp Trần Đạo Quang và một số chức sắc lớn, ban đầu do cơ bút của ông Trương kế An. Nhưng đến năm 1935 thì phái này bị Thiên sư *(một chức mới của phái này)* Nguyễn hữu Phùng dùng cơ bút lung lạc sửa đổi toàn bộ chơn truyền luật pháp, cả đến biểu tượng thờ *(thờ trái tim)* và cả kinh kệ, đạo phục nên đã đi vào con đường tà giáo. Từ đó, các chức sắc từ giã ông khi ông nhận chức vụ Cửu Trùng Đài *(thay vì cơ quan Cửu Trùng Đài)* và kết liễu cuộc đời trong mờ ám của bàn môn tả đạo*. Tuy nhiên, trước năm 1931, ông là một trong những nhà đạo tâm trí thức từng góp công lực trong việc xiển dương chánh pháp Cao Đài với tư cách nhà quản lý tờ nguyệt san Revue Caodaiste *(Tạp chí Cao Đài giáo)*, một tạp chí còn ghi nhiều âm hưởng trong cuộc truyền bá giáo lý Cao Đài ra ngoại quốc, nhất là Pháp quốc và các quốc gia Pháp ngữ đương thời mà thiết tưởng những thế hệ sau không thể phủ nhận sự đóng góp công lao đó được.

• Nguyễn văn Tương *(?)*

Một phẩm vị Thiên phong Thượng Chưởng Pháp từ 1926 gốc Minh Sư và liên hệ với Vĩnh Nguyên Tự Cần Giuộc - vì không có thành tích đạo sự cũng không biết rõ lai lịch, chỉ biết ông có mặt tại Từ Lâm Tự ngày lễ Khai đạo tháng 10 Bính Dần tại vị Chưởng Pháp.

• Nguyễn văn Tường *(1887-1939)*

Cha mất sớm, dùng họ Võ của mẹ để ghi tên đi học, sau cũng dùng trong các giấy tờ tùy thân nên ông thường được biết với họ Võ nhiều hơn là họ Nguyễn dù trong việc tế tự tông đường ông vẫn duy trì họ Nguyễn. Năm 1926, phong trào tôn giáo mới hình thành tại xứ Nam kỳ thuộc Pháp là phần đất gọi là nhượng địa, ông Tường đang là cảnh sát viên thuộc bót Seigneau đường Boresse nay là Yersin quận I. Chính quyền thực dân Pháp gài ông gia nhập vào phong trào tôn giáo này mà họ gọi là "*hội kín*" để theo dõi hành tung của nhóm tín ngưỡng mới. Lẽ cố nhiên, ông đã rất được quan Pháp tín cẩn nên công việc ông làm rất cần cho họ. Tuy nhiên, bàn tay vô hình sắp đặt không lâu sau đó, ông trở thành người che chở cho nền đạo thời sơ khai với những huyền diệu mà tự ông nhận diện và biết kính sợ các đấng Vô hình qua cơ bút đang phồn thịnh thời ấy. Cho nên, sau thời gian chuyển cơ Phổ Độ khắp lục tỉnh thì có lịnh dạy các nhà khai cơ Phổ Độ do ông Lê văn Trung soạn thảo tờ Khai đạo* để công khai hợp pháp hóa nền đạo. Do đó, vào một tối 23 tháng 8 Bính Dần *(29-9-1926)*, tất cả các tân tín đồ gồm 247 vị đủ mọi thành phần xã hội quan chức, thầy tu, giáo học cùng hội họp ký tên vào tờ Tịch đạo và duyệt ký tờ Khai Đạo bằng Pháp ngữ gọi là Declaration officielle du Caodaisme, sau đó ngày 7 tháng

10 năm 1926 đã do ông Trung đạo đạt lên Thống soái Nam kỳ là Le Fol. Ông này nhận tờ Khai đạo nhưng không tỏ vẻ gì ngoài nghi thức xã giao bởi ông Trung đương thời đã là nhà chính trị có thành tích với Pháp qua chức vụ Hội Đồng Thượng Nghị viện Pháp hồi hưu. Cũng cần nêu lên một điểm đặc biệt là nhà ông Tường số 237 B đường Galliéni *(nay là Trần Hưng Đạo A)* nhà gạch trong khu vườn rộng, đêm ấy từ chập tối đã có trận mưa như trút nước làm đường sá tối om cho đến khi mãn hội mọi người ra về thì trời tạnh. Ai cũng cho là nhờ Vô hình gia hộ vì nếu chính quyền bắt gặp cuộc họp trên 20 người mà không báo trước ba ngày để có phép thì sẽ bị phạt nặng theo luật định.

• người

Xem nhân*.

• người ăn chay

végétarien[F] - vegetarian[A] - Người thể hiện sự tu học trong việc ăn uống hằng ngày tùy theo sở nguyện của họ. Trong Cao Đài giáo, người ăn chay trường là người ở vào bực tu thượng thừa hơn người tu ở bực hạ thừa chỉ ăn chay kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày mỗi tháng âm lịch. Các cựu giáo thì việc chay lạc không nhứt thiết phải tránh các thức ăn do sinh vật biến chế, như sự kiêng khem* của người theo đạo Chúa chỉ thực hiện trong những kỳ lễ lạc hay các người theo đạo Phật *(Tiểu thừa - khất thực)* thì ai cho gì ăn nấy có cần biết nó là gì đâu. Cho nên, người ăn chay là những người có một đức tin vào những việc mình làm trên thế gian này để tránh sự gây đau khổ cho kẻ khác kể cả sự chết chóc đau đớn cho sinh vật. Như thế, người ăn chay là không có ác tâm *(không muốn sinh vật chết vì miếng ăn của mình - vật dưỡng nhơn chỉ có nghĩa là động vật giúp ích cho nhân loại như ngựa để cỡi, bò kéo xe, trâu kéo cày, chó giữ nhà...).* Từ căn bản đó, họ tránh được các giới luật khác cần cho đức độ của người tu hơn là những người không ăn chay. Thật tế thì có những tà giáo cũng xúi người theo ăn chay để chứng tỏ mình là chánh giáo, nhưng con trâu, con bò cũng ăn chay mà nó cũng vẫn là con vật thì có phải ăn chay là đủ để trở thành Phật Thánh đâu, nếu bản thân người tu không có được sự giác ngộ minh liễu trước những cám dỗ nhứt thời của bọn buôn Thần bán Thánh công khai đầu đường xó chợ như đã có hiện nay vậy.

• người ăn mặn

nécrophage[F] - non vegetarien[A] - Người ăn mặn là người ăn bất cứ những gì họ muốn không phân biệt thực vật hay động vật, nhất lá thịt cá, những xác chết từ vật sống mà ra... Lẽ cố nhiên, giới luật tôn giáo không ngăn cấm người ăn mặn, nhưng luôn luôn rèn luyện ý thức cho người tín đồ biết việc ăn uống là bước đầu của sự tu học trong tinh thần thực nghiệm tính kiêng trì giới luật một cách toàn vẹn. Cho nên còn muốn ăn món ăn thơm mùi thịt cá là còn bị xác thịt lôi cuốn vào đường vật dục dễ sinh ra tội lỗi cho bản thân mình chứ đừng nói gì tạo nên những thành quả tốt cho kẻ khác dù quãng cách từ miếng ăn đến tội lỗi có khi rất xa, nhưng cũng lắm lúc rất gần chỉ vì cái ăn cái mặc là động cơ cho mọi tranh chấp giữa con người với đồng loại trên mọi lĩnh vực sống còn của xã hội dù Đông hay Tây. Lẽ thường, giá trị con người không đặt vào miếng ăn, đó là thường tình nhân thế, nhưng người có theo một tôn giáo mà không biết điều này thì thiết tưởng công phu tu học của họ có biết tới đâu.

• người chỉ kiểu

Le transmetteur de la méthode ésotérique[F] - The esoteric method relayer[A] - Người muốn tu theo tâm pháp Vô Vi Cao Đài giáo dù đã tu phần phổ độ hay đã tu theo một tôn giáo khác thì cũng phải tự mình phát nguyện xin theo tu học một cách chân thành. Bởi là mối tâm pháp khẩu truyền nên người muốn tu phải thiết Thiên Bàn tập cúng tứ thời trong 100 ngày theo nghi thức Cao Đài, đồng thời trường trai tuyệt dục dù đang có vợ *(hay chồng).* Sau đó, họ nhờ người đã tu Vô Vi hướng dẫn đến một ngôi Đàn Vô Vi với lễ phẩm xin keo hầu đàn và sẽ được đến đó hầu

Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh

đàn trong thời gian 100 ngày. Đến đây, họ sẽ được phép xin keo thọ pháp, nếu được thì sẽ có người chỉ kiểu trong Đàn sẽ có trách nhiệm hướng dẫn cách thức tu tập cho, mỗi bên nam nữ đều có người chỉ kiểu riêng biệt. Điều này đã thành một định lệ đã có từ sự sắp đặt của đức Ngô Minh Chiêu buổi sinh tiền trước khi có người môn đệ có khả năng công hạnh truyền pháp được thì chính ngài phải tự đảm trách việc chỉ kiểu cho hàng môn đệ có đại căn mà ngài đã biết dù nam hay nữ. Theo pháp môn Vô Vi thì người chỉ kiểu phải là người đã tu Vô Vi trong chín năm *(nghĩa là 6 năm sau nhứt bộ)* mới đủ quyền pháp và đức độ để truyền lại những gì mà mình đã lãnh hội được cho người đã được chỉ định cho mình chỉ kiểu tu. Lẽ cố nhiên, danh từ này thể hiện phần kiểu mẫu tu học hơn là tư cách của người chỉ dẫn để tránh sự lầm lẫn trong danh xưng sư phụ ngày xưa mà các cựu giáo đã có. Như thế cũng cho thấy người chỉ kiểu chỉ là người nhận mạng lịnh từ Vô hình để hướng dẫn việc tu học cho người đệ tử mới của Đức Cao Đài đã chọn *(bằng cách biểu lộ trên hai đồng tiền cái sấp cái ngửa),* chứ không phải do người thế gian đã chọn *(để buộc người học đạo phải tôn xưng bằng Thầy bằng Cha)*. Cho nên, người chỉ kiểu được xem như người anh *(chị)* em trong gia đình dù đối với người đã tu hay mới tu trong Đàn không hơn không kém với tình linh sơn cố hữu theo lời minh thệ không canh cải pháp tu đã có. Bởi tinh thần đó, nên buổi sinh tiền đức Ngô thường bảo với người muốn xin tu là: *"Cứ hỏi **Ổng** đấy! chứ tôi cũng thân phàm xác tục mà thôi !" (tiếng ổng là tiếng gọi thân mật của ngài với Đức Cao Đài)*. Đồng thời vai trò người chỉ kiểu rất quan trọng bởi khi đã chỉ kiểu cho một người là phải chịu trách nhiệm với họ trong suốt cuộc đời tu học, phải thường xuyên đến giúp họ vượt qua những thắc mắc trở ngại cũng để nong chí tu học cho họ đến ngày thành chánh quả, nếu không thì dù người chỉ kiểu có chứng quả trước rồi cũng phải trở lại thế gian để dẫn độ họ một khi họ vẫn giữ dạ trung kiên tu học như bao giờ. Một điều đức Ngô đã cho biết là hễ người đã có căn tu thì dù trong hang cũng được dắt ra để tu, còn người chưa có căn thì dù sát bên ngài *(như anh đồng Ngưng* cũng không tu được)*, nên trong phần Vô Vi không có sự khuyến tu như bên Phổ Độ.

Hội Văn Hóa Đồng Tân Trần Thái Chân